

# NGHIÊN CỨU SO SÁNH TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 LÊN VẤN ĐỀ AN SINH XÃ HỘI CỦA LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ KHU VỰC PHI CHÍNH THỨC TẠI TP. HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH QUA 2 ĐỢT DỊCH THỨ HAI VÀ THỨ TƯ.

NHÓM NGHIÊN CỨU:  
TS. LÊ PHƯƠNG HÒA  
THS. DƯƠNG THỊ NGÀ  
THS. BÙI HẢI YẾN

Hà Nội, Tháng 12, 2021



## MỤC LỤC

1. Tóm tắt.....	1
2. Thông tin chung.....	1
2.1. Lý do chọn vấn đề .....	1
2.2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
2.3. Phương pháp nghiên cứu.....	3
3. Các thông tin chung về diễn biến Covid-19 và tác động của nó .....	6
3.1. Diễn biến chung tại Việt Nam.....	6
3.2 Tác động của Covid-19 .....	7
4. Các phát hiện chính .....	8
4.1. Tác động của Covid-19 qua 2 đợt dịch và sự ứng phó của người lao động.....	8
4.2. Hỗ trợ của chính quyền và cộng đồng, các tổ chức xã hội.....	21
5. Kết luận .....	26
6. Một số Khuyến nghị .....	27

## Danh mục bảng

Bảng 1 Phân bố cơ cấu độ tuổi người được hỏi (%).....	4
Bảng 2 Bảng Diễn biến Covid tại Việt Nam qua các giai đoạn .....	6
Bảng 3. Nghề của lao động nữ di cư khu vực phi chính thức trước và sau đợt giãn cách xã hội do Covid-19 lần thứ 4.....	9
Bảng 4. Tình trạng việc làm tại thời gian điểm khảo sát.....	10
Bảng 5. Đánh giá mức độ khó khăn trong việc chuyển đổi nghề.....	10
Bảng 6. Mức độ thay đổi thu nhập trước và sau dịch.....	11
Bảng 7. Thu nhập của lao động nữ di cư trong khu vực phi chính thức trước và sau dịch.....	11
Bảng 8. Phương thức tài chính mà người lao động sử dụng trước ảnh hưởng của đợt covid 19 lần thứ 4.....	12
Bảng 9. Thay đổi về chi phí ăn uống trước và sau dịch .....	13
Bảng 10. Giải pháp ăn uống của lao động dưới tác động của dịch Covid.....	14
Bảng 11. Hiện trạng cư trú của người được hỏi tại thời điểm 11/2021 .....	14
Bảng 12. Những khó khăn người lao động gặp phải khi lựa chọn ở lại thành phố.....	15
Bảng 13. Chỗ ở hiện nay của lao động nữ di cư khu vực phi chính thức (%).....	16
Bảng 14. Tình trạng khai báo tạm trú ở địa phương đến.....	16
Bảng 15. Biện pháp lựa chọn của lao động nữ di cư khu vực phi chính thức khi bị cảm cúm ....	17
Bảng 16. Biện pháp phòng dịch khi cao điểm của người lao động .....	18
Bảng 17. Phản ứng của người được hỏi nếu dịch bệnh bùng phát trở lại tại thời điểm 11/2021 (%) .....	19
Bảng 18. Mức độ lây nhiễm Covid -19 và chữa trị của người lao động .....	19
Bảng 19. Nguồn thông tin về dịch bệnh Covid-19 (%) thời điểm 11/2021 .....	20
Bảng 20. Những khó khăn của lao động nữ di cư trước ảnh hưởng của làn sóng Covid-19 thứ 4 (%) .....	20
Bảng 21. Hỗ trợ từ chính quyền trong và sau thời gian dịch Covid-19 bùng phát.....	23
Bảng 22. Lý do không nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương .....	24
Bảng 23. Thống kê tần suất trả lời có nhận được hỗ trợ từ các mạnh thường quân và các tổ chức xã hội .....	24
Bảng 24. Lý do không nhận được sự tài trợ của mạnh thường quân và các tổ chức xã hội.....	25

## **Danh mục hình**

Hình 1 Biểu đồ phân bố số mắc COVID-19 trong nước tại Việt Nam từ ngày 27/4/2021 đến 14/12/2021 .....	6
Hình 2 Lao động có việc làm các quý, giai đoạn 2019-2021 .....	7
Hình 3 Lực lượng lao động các quý, năm 2020 và 2021 .....	8
Hình 4. Thu nhập của nữ lao động di cư khu vực phi chính thức thời điểm khảo sát 11/2021....	12

## **Lời cảm ơn**

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn những nữ lao động đã dành thời gian tham gia phỏng vấn với chúng tôi và đã thân thiện cung cấp những thông tin xác đáng trong suốt quá trình nghiên cứu qua 2 đợt khảo sát tháng 7/2020 và tháng 11/2021.

Chúng tôi muốn bày tỏ sự cảm ơn tới Rosa-Luxemburg-Stiftung Đông Nam Á - Văn phòng Hà Nội (RLS SEA) đã cung cấp tài chính để chúng tôi có cơ hội thực hiện nghiên cứu có ý nghĩa này. Chúng tôi cũng gửi lời cảm ơn tới ông Nguyễn Văn Huân và đặc biệt tới bà Triệu Tuyết Mai Hương, Quản lý Dự án tại RLS SEA - Văn phòng Hà Nội đã hỗ trợ chúng tôi trong việc nghiên cứu và đóng góp ý kiến cho báo cáo qua 2 đợt khảo sát.

**Thay mặt nhóm nghiên cứu**

**Trưởng nhóm**

**TS. Lê Phương Hòa**

## 1. TÓM TẮT

Qua hai đợt khảo sát trên cùng nhóm đối tượng, nhóm nghiên cứu đã có được thông tin tương đối toàn diện về tác động của dịch Covid-19 đến các khía cạnh đời sống của nhóm nữ lao động di cư tại các thành phố Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Nhận định của nhóm nghiên cứu về tác động của dịch lên đối tượng nghiên cứu qua hai đợt lần sóng dịch là tương đối nhất quán và có chiều hướng gia tăng về mức độ ở đợt dịch lần thứ 4 so với lần thứ 2, chỉ có một số khía cạnh có mức độ nghiêm trọng gia tăng đáng kể (giảm thu nhập dẫn đến cắt giảm mạnh chi tiêu cho thực phẩm trong khi thực tế ở điều kiện không có dịch thì nhóm lao động di cư vốn đã sống ở mức chi tiêu tối thiểu).

Dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu cho thấy thời điểm kết thúc. Đối với nhóm lao động nữ di cư khu vực phi chính thức thì những tác động lên các khía cạnh an sinh xã hội nhìn chung càng ngày càng tăng:

- Đối với khía cạnh lao động việc làm các nhóm lao động đều bị ảnh hưởng nhưng các nghề mưu sinh gắn với đường phố bị ảnh hưởng nhiều hơn và gia tăng qua các đợt dịch. Số liệu khảo sát cũng cho thấy rằng tác động của dịch Covid-19 lần thứ 4 này rất lớn nó thể hiện ở con số đáp viên trả lời có tới 26,0% người lao động rơi vào tình trạng “Không có việc làm” so với đợt dịch lần 2 là 1,5%. Dấu hiệu khả quan là người lao động dường như đã làm quen và có sự chuẩn bị cho mình về công việc một cách chủ động hơn.
- Về thu nhập mức độ ảnh hưởng của đợt dịch sau cao hơn đợt dịch trước, nếu như tại thời điểm 7/2020 có 48,3% cho biết họ không có thu nhập thì tại thời điểm 11/2021 có 78,5% cho biết họ không có thu nhập. Mức độ giảm thu nhập do làn sóng Covid-19 lần thứ 4 cũng nặng nề hơn lần trước. Nếu tính trung bình thì số thu nhập giảm hơn một nửa từ 5.905.000 đ/tháng còn 2.586.000 đ/tháng.
- Do thu nhập giảm nên người lao động phải cắt giảm chi tiêu lớn. Đo lường thông qua chỉ báo cơ bản nhất là ăn uống cho thấy tỷ lệ cắt giảm chi tiêu cho ăn uống do dịch lần thứ 4 lên tới 87,5% so với con số 77,3% do dịch lần thứ 2.
- Về chỗ ở, mặc dù chịu tác động nặng nề của làn sóng Covid-19 lần thứ 4 nhưng 68% người lao động vẫn lựa chọn ở lại thành phố, con số này thời điểm 7/2020 là 55,67%. Nếu thời điểm 7/2020 chỉ có 9,0% cho biết có thay đổi về chỗ ở thì thời điểm 11/2021 tăng gấp đôi lên 18% mà nguyên nhân cơ bản đến từ khó khăn về tài chính.
- Dịch Covid-19 cũng làm cho người lao động thay đổi cách quan tâm đến vấn đề sức khỏe. Con số lựa chọn đến cơ sở y tế đã tăng từ 10% trước làn sóng thứ hai lên 17% sau làn sóng thứ hai và 22,5% thời điểm làn sóng thứ 4. Tuy nhiên điểm chung là khi có vấn đề sức khỏe họ chọn phương án ít chi phí nhất là tự mua thuốc hoặc ra hiệu thuốc hỏi ý kiến người bán hơn là phải bỏ chi phí đến khám tại cơ sở y tế.
- Người dân đã có ý thức tốt với công tác phòng chống dịch, 93,0% người trả lời lựa chọn “Hạn chế tiếp xúc cộng đồng” tăng từ 66,8% thời điểm 7/2020

- Kênh thông tin cơ bản mà người dân có thể tiếp cận về dịch bệnh là từ những người xung quanh với tỷ lệ tăng từ 54,2% lên 71% qua 2 đợt khảo sát. Điều này cho thấy mức độ tin cậy và dựa vào truyền miệng của thông tin là rất lớn.

Nhóm nữ lao động di cư khu vực phi chính thức cũng nhận được hỗ trợ từ phía chính quyền địa phương và mạnh thường quân tuy nhiên sự hỗ trợ này còn hết sức khiêm tốn. Có 14,2% nữ lao động di cư tại hai thành phố lớn trả lời nhận được hỗ trợ thời điểm 7/2020 thì con số này ở thời điểm 11/2021 tăng lên 54% nhưng vẫn ở mức thấp so với mục tiêu chính sách an sinh của Chính phủ. Lý do chưa nhận được hỗ trợ từ chính quyền địa phương thì nguyên nhân chính là không biết thông tin, tỷ lệ này tại thời điểm 11/2021 có giảm so với thời điểm 7/2020 nhưng không đáng kể. Bên cạnh chủ trương chung đúng đắn của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về huy động mọi nguồn lực cho công tác phòng chống dịch, các cơ quan, tổ chức, nhóm các cá nhân đã hình thành một cách tự nguyện cùng hợp sức hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch nói chung và cho các nhóm yếu thế nói riêng. Sự hỗ trợ của mạnh thường quân và các tổ chức xã hội cũng tăng gần gấp đôi từ 23,7% lên 42,5% qua 2 đợt khảo sát. Đây là một kênh hỗ trợ hiệu quả và góp phần chung sức cùng chính phủ giảm thiểu tác động của dịch bệnh.

Từ những phân tích, nhận định về kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị và bài học kinh nghiệm, góp phần hoàn thiện chính sách và triển khai chính sách an sinh xã hội cho các nhóm đối tượng yếu thế, tăng cường hệ thống trợ giúp cho ngành y tế và an sinh xã hội trong bối cảnh điều kiện dịch bệnh và các tình trạng khẩn cấp khác.

## 2. THÔNG TIN CHUNG

### 2.1. LÝ DO CHỌN VẤN ĐỀ

Đại dịch Covid-19 đặt ra những thách thức và để lại những hệ lụy chưa có tiền lệ mà con người phải đối mặt và giải quyết trong hàng thập kỷ sắp tới, bao gồm những vấn đề về sức khỏe cộng đồng, sự chuẩn bị và đáp ứng của hệ thống y tế và an sinh xã hội, chuyển đổi phương thức sản xuất, phục hồi chuỗi cung ứng bị đứt gãy, duy trì lao động việc làm và hồi phục kinh tế sau dịch... Trong số đó vấn đề an sinh xã hội, duy trì cuộc sống của các nhóm dân cư, nhất là nhóm dân cư dễ bị tổn thương, luôn được Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp quan tâm và có chính sách, biện pháp kịp thời. Bên cạnh đó, một yếu tố không thể không nhắc đến mỗi khi xã hội lâm vào tình trạng khó khăn đó là tinh thần tương thân tương ái, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau của cộng đồng. Đây vẫn là giá trị văn hóa, nhân văn cao đẹp của Dân tộc Việt Nam được duy trì từ ngàn đời nay.

Cho đến thời điểm báo cáo nghiên cứu này được thiết kế, triển khai (tháng 9/2021), đại dịch Covid-19 vẫn diễn tiến cực kỳ nghiêm trọng và phức tạp trên phạm vi toàn cầu và chưa thể dự đoán được điểm kết thúc. Tại Việt Nam, làn sóng dịch Covid thứ 4 bắt đầu từ 27/4/2021 với những tác động chưa từng có với hơn 500 nghìn ca nhiễm và hơn 12 nghìn ca tử vong do Covid<sup>1</sup>. Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện các biện pháp phong tỏa, giãn cách trong nhiều tháng nhưng tình hình vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện.

Việc kinh tế suy giảm tác động trực tiếp đến người lao động ở tất cả mọi nhóm từ chính thức đến phi chính thức. Tình hình đặc biệt nghiêm trọng đối với nhóm lao động di cư tự do, hàng triệu người tìm cách rời thành phố lớn trở về quê, và tình trạng thất nghiệp, vô gia cư đang tăng lên nhanh chóng

Ngay từ đợt Covid lần thứ hai, Chính phủ đã ban hành gói hỗ trợ khẩn cấp trong đó một trong những đối tượng được hỗ trợ là người lao động ở khu vực phi chính thức nhưng với điều kiện có đăng ký nơi ở chính thức, thường lao động nữ di cư lại thuộc nhóm không đủ điều kiện nhận hỗ trợ này. Có vẻ như lao động nữ di cư là đối tượng chịu nhiều tác động nhất của dịch Covid-19 nhưng lại gặp khó khăn trong việc nhận hỗ trợ theo chính sách của Nhà nước. Hơn nữa những gói hỗ trợ khẩn cấp chỉ mang tính nhất thời, vấn đề trợ giúp an sinh xã hội cho lao động khu vực phi chính thức đặc biệt là nữ giới di cư cần được đặt ra bởi với họ, mất việc làm đồng nghĩa với việc mất hoàn toàn nguồn thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình.

Đến nay, các gói hỗ trợ được tiếp tục đưa ra với điều kiện tiếp cận dễ dàng hơn, đối tượng bao phủ hỗ trợ cụ thể hơn và bao gồm nhiều nhóm thuộc khu vực lao động phi chính thức. Điều đó cho thấy các kiến nghị đã được tiếp thu và chính phủ cũng cởi mở trong việc ghi nhận các ý kiến và kịp thời điều chỉnh với mục tiêu hỗ trợ tốt hơn cho người dân. Tuy nhiên với mức độ ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của đại dịch kiến cho tình trạng của các lao động di cư bị ảnh hưởng trầm trọng hơn nhiều so với đợt trước đây và cần có những nghiên cứu so sánh và khuyến nghị cập nhật hơn.

Nhóm nghiên cứu lựa chọn nhóm lao động nữ di cư khu vực phi chính thức tại hai thành phố Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh để khảo sát trong hai đợt sóng Covid-19 lần thứ 2 và lần thứ 4 để tìm hiểu về những tác động tới sinh kế, an sinh xã hội của nhóm này do dịch Covid-19 gây ra, những hỗ trợ họ

<sup>1</sup> <https://vnexpress.net/covid-19/covid-19-viet-nam> truy cập 4.9.2021



nhận được và khả năng tiếp cận các gói an sinh từ chính quyền địa phương, qua đó gián tiếp đánh giá và đề ra khuyến nghị về việc triển khai chính sách an sinh của nhà nước trong bối cảnh dịch bệnh. Bên cạnh đó, sự tương hỗ của cộng đồng, các mạnh thường quân và tổ chức xã hội, nhóm công tác xã hội cũng được khảo sát nhằm đưa ra những minh chứng cụ thể hơn về vai trò, cách thức thực hiện và tác động của nhóm này đối với nữ lao động tự do tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh qua hai đợt làn sóng dịch lần thứ 2 và lần thứ 4.

## 2.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

**Mục tiêu:** Nghiên cứu nhằm so sánh tác động của Covid-19 lên các vấn đề an sinh xã hội của lao động nữ di cư khu vực phi chính thức ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội qua hai đợt sóng Covid lần thứ hai và lần thứ tư.

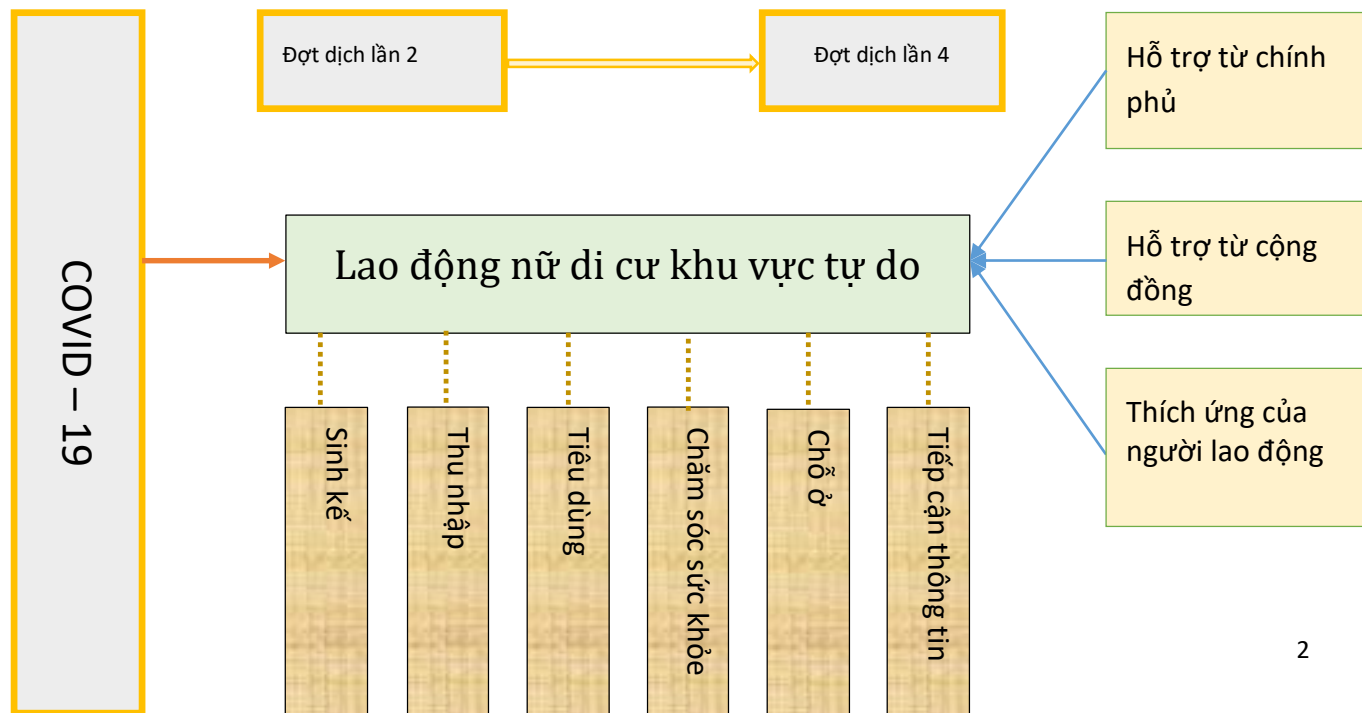
**Đối tượng:** Lao động nữ di cư làm việc trong khu vực phi chính thức (không có hộ khẩu thường trú tại nơi làm việc, có thể từ nông thôn đến các thành phố cùng tỉnh hoặc từ các tỉnh khác)

**Địa bàn nghiên cứu:** Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh

**Câu hỏi nghiên cứu:**

- Covid-19 tác động như thế nào đến các khía cạnh an sinh xã hội của lao động nữ di cư trong khu vực phi chính thức tại các thành phố lớn của Việt Nam (Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh) qua 2 đợt dịch lần thứ hai và lần thứ tư?
- Chính phủ, các tổ chức xã hội và cộng đồng hỗ trợ gì cho lao động nữ di cư khu vực phi chính thức tại các thành phố lớn của Việt Nam 2 đợt dịch lần thứ hai và lần thứ tư?
- Lao động nữ di cư khu vực phi chính thức tại các thành phố lớn của Việt Nam thích ứng với đại dịch Covid-19 như thế nào qua 2 đợt dịch lần thứ hai và lần thứ tư?
- Khuyến nghị chính sách nào để cải thiện an sinh xã hội của lao động nữ di cư khu vực phi chính thức tại các thành phố lớn của Việt Nam?

**Khung nghiên cứu**



### 2.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### ***Nguồn dữ liệu:***

Dữ liệu được sử dụng cho báo cáo đến từ 2 cuộc khảo sát, cuộc khảo sát đầu tiên được thực hiện vào tháng 7/2020 và cuộc khảo sát thứ 2 được thực hiện vào tháng 11/2021. Các dữ liệu được sử dụng bao gồm:

#### ***Dữ liệu thứ cấp:***

Phương pháp này đặc biệt quan trọng để xem xét bức tranh tổng thể Covid và các tác động của nó. Trong nghiên cứu này, phương pháp phân tích tài liệu tập trung vào các loại tài liệu sau:

- Báo cáo nghiên cứu của nhóm tác giả đã được hoàn thành tháng 12/2021 đối với vấn đề nghiên cứu cho làn sóng Covid-19 lần thứ hai trên 600 mẫu cùng nhóm đối tượng
- Báo cáo tình hình dịch bệnh của Bộ Y tế
- Báo cáo về lao động, việc làm và an sinh xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Số liệu của Tổng cục Thống kê
- Các bài báo từ nguồn báo chí chính thống phản ánh cập nhật về tình hình dịch bệnh và ảnh hưởng của dịch đối với người lao động
- Các báo cáo về hoạt động của các tổ chức xã hội liên quan đến hỗ trợ người lao động và cộng đồng trong quá trình giãn dịch

Các tài liệu nêu trên được phân loại theo các chủ đề nội dung cụ thể gắn với đánh giá tác động bao gồm các tài liệu: (i) phát triển bộ công cụ; (ii) xây dựng báo cáo đánh giá tác động.

#### ***Dữ liệu sơ cấp:***

##### Khảo sát lần thứ nhất vào tháng 7/2020:

Mẫu định lượng: 600 người tại Hà Nội và tp. Hồ Chí Minh được chọn ngẫu nhiên và khảo sát trực tiếp.

Chọn mẫu và thu thập số liệu:

Tiêu chí chọn mẫu điều tra: Là nữ từ 18 đến dưới 80 tuổi, là người di cư (di cư từ nông thôn ra thành thị và ở lại qua đêm).

Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên được sử dụng trong nghiên cứu, đầu tiên chọn 10 cụm phân bố đều ở các thành phố, sau đó chọn mẫu: Chọn ngẫu nhiên 30 mẫu cho 1 cụm. Đây là cỡ mẫu ngẫu nhiên tối thiểu trong khoa học xã hội, cho phép đo lường tổng thể một cách khách quan. Phương pháp này thường được áp dụng cho các đánh giá dự án quy mô nhỏ và thường cho kết quả khách quan.

Công cụ của phương pháp này là bảng câu hỏi định lượng. Bảng câu hỏi được xây dựng với nội dung thông tin phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu bao gồm: Thông tin chung về người được hỏi; thu nhập và thói quen sinh hoạt, chi tiêu và sức khỏe, những ảnh hưởng của Covid-19 đối với họ. Các câu hỏi được xây dựng dễ hiểu để giúp nghiên cứu có được kết quả chính xác. Ngoài ra, bảng câu hỏi còn có một số câu hỏi định tính, thu thập thêm thông tin từ người trả lời.

Khảo sát định tính: Phỏng vấn sâu 12 đối tượng người lao động, dựa trên phỏng vấn sâu 12 câu chuyện điển hình được xây dựng làm bằng chứng.

Các câu chuyện điển hình luôn có ý nghĩa quan trọng trong các báo cáo đánh giá tác động, đặc biệt đối với các dự án có quy mô tác động lớn đến nhiều vấn đề kinh tế xã hội. Một trường hợp điển hình đã được khai thác trong quá trình khảo sát thực địa.

Khai thác nội dung và tổng hợp thành những câu chuyện tiêu biểu, mô tả chính xác bức tranh về phụ nữ di cư, lao động tự do và tác động của Covid-19 đối với cuộc sống của họ.

#### Khảo sát lần thứ hai vào tháng 11/2021:

Mẫu định lượng: 200 người tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh được chọn ngẫu nhiên trên các số điện thoại trong danh mục có sẵn từ 600 người của đợt khảo sát thứ nhất và tiến hành phỏng vấn qua điện thoại.

Các nội dung phỏng vấn cơ bản theo cấu trúc của cuộc khảo sát thứ nhất để đảm bảo tính so sánh, tuy nhiên nhóm nghiên cứu có bổ sung thêm một số câu hỏi để khai thác thông tin mới theo đặc tính diễn biến của dịch.

Một số trường hợp điển hình được khai thác qua các cuộc phỏng vấn bảng hỏi khi phát hiện có vấn đề hay để khai thác thông tin điển hình.

Khi tiến hành khảo sát nhóm đã tính đến trường hợp có những số điện thoại trong danh sách cũ không thể tiếp cận được nên sử dụng phương pháp thay thế ngẫu nhiên để đảm bảo giữ nguyên cơ cấu mẫu.

#### **Đặc điểm của đối tượng khảo sát**

Đối tượng được chọn cho nghiên cứu này là lao động nữ làm nghề tự do di cư với những đặc trưng sau:

Độ tuổi của người tham gia trả lời phần lớn tập trung ở nhóm 30-55 tuổi, đây là nhóm có khả năng di cư cao và có khả năng thích ứng tốt với môi trường làm việc do là nhóm có sức khỏe tốt và kinh nghiệm phong phú. Tuy nhiên số liệu cũng chỉ ra nhóm độ tuổi trên 55 tuổi vẫn chiếm tỷ lệ cao (trên ¼ số lao động tự do). Đây là nhóm theo phân loại lao động thì không thuộc lực lượng lao động nên khó tìm kiếm việc làm ở khu vực chính thức, mặc dù vậy, do yêu cầu mưu sinh họ vẫn tiếp tục di cư ra thành phố lớn để kiếm sống. Mặc dù theo số liệu của Tổng cục thống kê thì Lao động di cư từ nông thôn thường là lao động trẻ (18-35 tuổi), tỷ lệ nữ cao hơn, chiếm khoảng 60%<sup>2</sup>, nhưng với khu vực tự do đường như lao động lại tập trung vào nhóm lao động lớn tuổi. Theo khảo sát của nhóm nghiên cứu, tỷ lệ độ tuổi 19-29 tuổi có xu hướng giảm nhẹ trong khi nhóm trên 55 tuổi lại tăng nhẹ.

#### **Bảng 1 Phân bố cơ cấu độ tuổi người được hỏi (%)**

<b>Độ tuổi</b>	<b>Số liệu tháng 7/2020</b>	<b>Số liệu tháng 11/2021</b>
Từ 19 đến 29 tuổi	8,1	7,5
Từ 30 đến 45 tuổi	33,2	33,5
Từ 45 đến 55 tuổi	33,7	32,5
Trên 55 tuổi	25,0	26,5
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

<sup>2</sup> Tổng cục Thống kê (2015), *Kết quả điều tra quốc gia về di cư trong nước năm 2015*

Do khảo sát trên cùng một nhóm đối tượng nên những dữ liệu về trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân của đối tượng không thay đổi. Đa số lao động nữ di cư trong khu vực phi chính thức có trình độ học vấn thấp trong đó chủ yếu có trình độ dưới Trung học cơ sở, chỉ có 14,17% tốt nghiệp Trung học phổ thông và 2,77% trên trung cấp. Đa số lao động đều đang có gia đình và đã có con, nhưng phần lớn lao động di cư không đi cùng gia đình mà đi làm để lấy tiền gửi về quê.

### **Phân tích dữ liệu**

Dữ liệu định lượng đã được xử lý bằng phần mềm SPSS, ngoài thống kê dữ liệu tần số, phần mềm cho phép xử lý các biến tương quan.

Phần mềm SPSS (viết tắt của Statistical Package for the Social Sciences) là một phần mềm máy tính dùng để phân tích thống kê và xử lý dữ liệu thu thập được. Đây là phần mềm thống kê và phân tích dữ liệu thường được sử dụng cho các nghiên cứu xã hội học và kinh tế lượng. Điểm mạnh của phần mềm SPSS là phân tích hồi quy như kiểm định phi tham số, thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy bằng thang đo Cronbach Alpha, phân tích đồng liên kết, hồi quy tuyến tính, kiểm định trung bình, phân tích phương sai, kiểm định với biến giả hoặc hồi quy nhị thức ...

Các lệnh chính để sử dụng phân tích trong nghiên cứu là: Frequencies, Custom tables.... Sử dụng phần mềm SPSS để phân tích hiện trạng và góp phần tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến đối tượng. Nhằm giúp bạn xác định vấn đề một cách chính xác và giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng và hiệu quả. Phần mềm SPSS bao gồm nội dung phong phú và đa dạng từ các công việc đơn giản như thiết kế bảng, biểu đồ, thống kê mô tả, so sánh mẫu sử dụng các tiêu chuẩn tham số và phi tham số, hình học tuyến tính, mô hình hồi quy đơn biến và đa biến.

Trong nghiên cứu này, phần mềm SPSS đã được sử dụng: Nhập và làm sạch dữ liệu; Xử lý biến và quản lý dữ liệu; Tổng hợp và trình bày dữ liệu dưới dạng đồ thị, bảng biểu, bản đồ; Phân tích dữ liệu, tính toán các tham số thống kê và diễn giải kết quả.

Xử lý số liệu của hai tỉnh sau điều tra để xem đặc điểm của phụ nữ di cư, lao động tự do, điểm giống và khác nhau giữa hai khu vực nghiên cứu là gì. Tác động của Covid-19 đối với nhóm phụ nữ di cư và lao động tự do này như thế nào thông qua phân tích các yếu tố về thu nhập, chi tiêu và thói quen sống.

Việc sử dụng phần mềm SPSS trong nghiên cứu cũng giúp nhóm tác giả có cái nhìn phân tích đánh giá mối tương quan giữa các vùng miền và nhóm tuổi của phụ nữ di cư tự do để xem đâu là tác động chính của Covid-19 đến cuộc sống của nhóm nghiên cứu này.

Từ việc thu thập dữ liệu từ 600 bảng câu hỏi lần 1 và 200 bảng hỏi lần 2, phần mềm SPSS còn giúp phân tích nhóm kết quả chính cũng như nhu cầu, nguyện vọng của người trả lời đối với chính phủ, từ đó giúp nhóm nghiên cứu đưa ra các đề xuất giải pháp hỗ trợ nhóm phụ nữ di cư khu vực không chính thức.

Hạn chế của nghiên cứu: Dịch Covid-19 cho đến thời điểm hiện tại vẫn chưa dự báo được điểm kết thúc, tại thời điểm khảo sát dữ liệu thu thập được mới chỉ phản ánh tác động của Dịch Covid đối với lao động nữ di cư sau khi nới lỏng giãn cách xã hội đợt 2 và đợt 4.

Ngoài ra, do hạn chế về kinh phí và thời gian nên đề tài mới chỉ tiến hành khảo sát ở 2 địa bàn là Hà Nội và Thành Phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu mới chỉ phản ánh được nhóm lao động nữ di cư tự do ở khu vực thành phố lớn mà chưa phản ánh được nhóm nữ lao động di cư tự do ở khu vực khác. Đây có thể là một trong những định hướng cho những nghiên cứu tiếp theo để thấy rõ bức tranh lao động nữ di cư tự do.

### 3. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ DIỄN BIẾN COVID-19 VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ

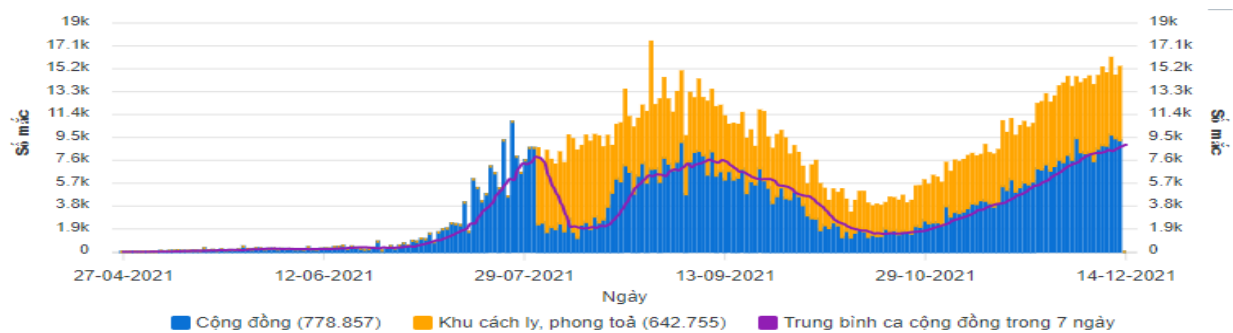
#### 3.1. DIỄN BIẾN CHUNG TẠI VIỆT NAM

Đến nay Việt Nam đang trải qua đợt dịch thứ 4 và tình hình vẫn đang hết sức phức tạp dù về cơ bản diễn biến dịch đã từng bước được kiểm soát nhất là số ca tử vong mỗi ngày đang giảm. Tính đến ngày 14/12/2021, chỉ riêng đợt dịch thứ 4 số ca nhiễm cả nước lên tới 1.423.217 ca nhiễm với 27.678 ca tử vong

**Bảng 2** Bảng Diễn biến Covid tại Việt Nam qua các giai đoạn

Giai đoạn	Thời gian	Tổng ca nhiễm	Tổng ca tử vong	Mô tả
1	23/1-24/7/2020	415	0	Ca bệnh đầu tiên xuất hiện tại Tp. Hồ Chí Minh là ca nhập cảnh từ Vũ Hán, Trung Quốc
2	25/7/2020-27/1/2021	1.136	35	Diễn ra cao điểm nhất trong 36 ngày tại Đà Nẵng
3	28/1-26/4/2021	1.301	0	Bùng phát tại Hải Dương, đợt dịch chủ yếu tại Hải Dương (chiếm gần 80%)
4	27/4/2021 đến 14/12/2021	Có sự xuất hiện của biến thể Delta, bùng phát tại nhiều nơi và lây lan mạnh ở Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận		
	Tổng cả nước	1.423.217	27.678	
	Hà Nội	18.837	0	
	Hồ Chí Minh	486.162	18.566	

Nguồn: Bộ y tế



**Hình 1** Biểu đồ phân bố số mắc Covid-19 trong nước tại Việt Nam từ ngày 27/4/2021 đến 14/12/2021

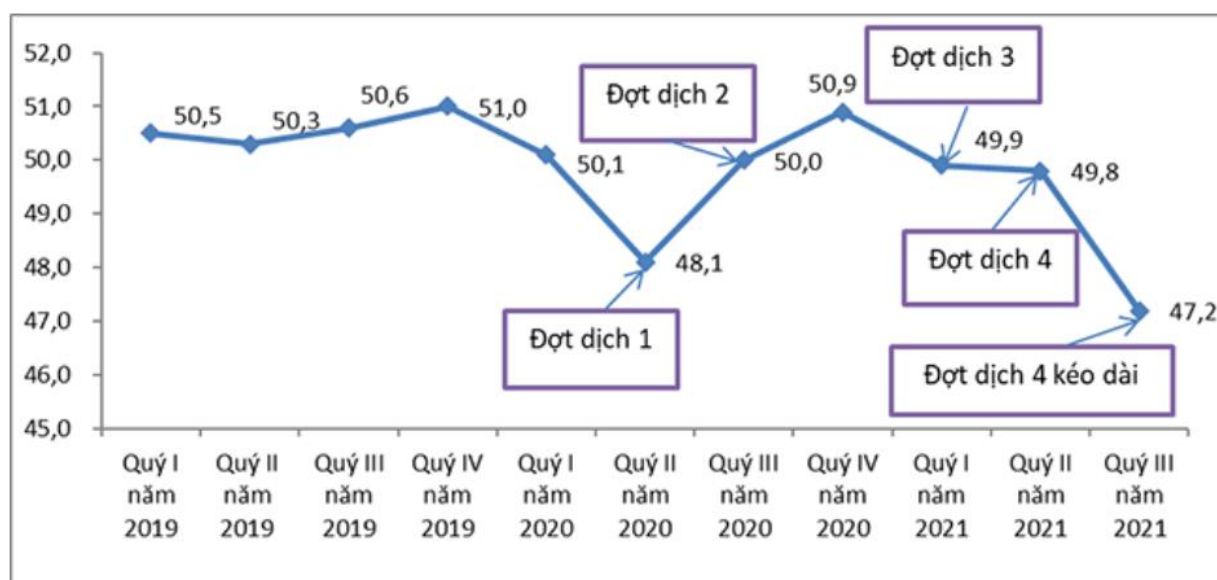
Nguồn: Bộ Y tế<sup>3</sup>

<sup>3</sup> [DỮ LIỆU COVID-19 TẠI VIỆT NAM \(CẬP NHẬT: 14/12/2021\) \(vncdc.gov.vn\)](https://vncdc.gov.vn)

## 3.2 TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19

Theo những số liệu thống kê từ Tổng cục thống kê, dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Việt Nam, đặc biệt là đợt dịch thứ 4 kéo dài từ tháng 7 đến nay đã khiến cho các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Hà Nội phải thực hiện giãn cách kéo dài theo chỉ thị 16<sup>4</sup>. Sự ảnh hưởng nặng nề ở các đầu tàu kinh tế đã kéo GDP cả quý III/2021 giảm sâu với mức giảm 6,17%<sup>5</sup> so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù GDP quý III giảm sâu nhưng tính chung 9 tháng năm 2021 vẫn đạt tăng trưởng 1,42% so với 9 tháng năm 2020. Khu vực dịch vụ có sự sụt giảm mạnh nhất, đặc biệt là với ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống (giảm 54,8% trong quý III/2021), tiếp theo là vận tải kho bãi và bán buôn bán lẻ (mức giảm tương ứng 21,1% và gần 20%). Những ngành dịch vụ có mức tăng trưởng là những ngành liên quan đến y tế, tài chính, truyền thông.

Đơn vị tính: Triệu người



Hình 2 Lao động có việc làm các quý, giai đoạn 2019-2021

Nguồn: Tổng cục thống kê (2021)

Sự sụt giảm kinh tế cũng tương đồng với sự mất việc làm tại các khu vực. Theo báo cáo nhanh số 8 của ILO về Covid-19, tác động của đại dịch tới việc làm xấu hơn dự kiến<sup>6</sup>. Biến thể Delta của Virus Corona đã tác động nặng nề đến thị trường lao động Việt Nam trong quý III năm 2021. Đông Nam Bộ là vùng chịu tác động nghiêm trọng nhất. Tính riêng trong quý III năm 2021, cả nước có hơn 28,2 triệu người từ 15 tuổi trở lên chịu ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 khiến họ bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập,... Trong tổng số hơn 28,2 triệu người bị tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19, có 4,7 triệu người bị mất việc, chiếm 16,5%; 14,7 triệu người phải tạm nghỉ/tạm ngừng sản xuất kinh doanh, chiếm 51,1%; 12,0 triệu người bị cắt giảm giờ làm hoặc buộc phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên, chiếm 42,7% và 18,9 triệu lao động bị giảm thu nhập, chiếm

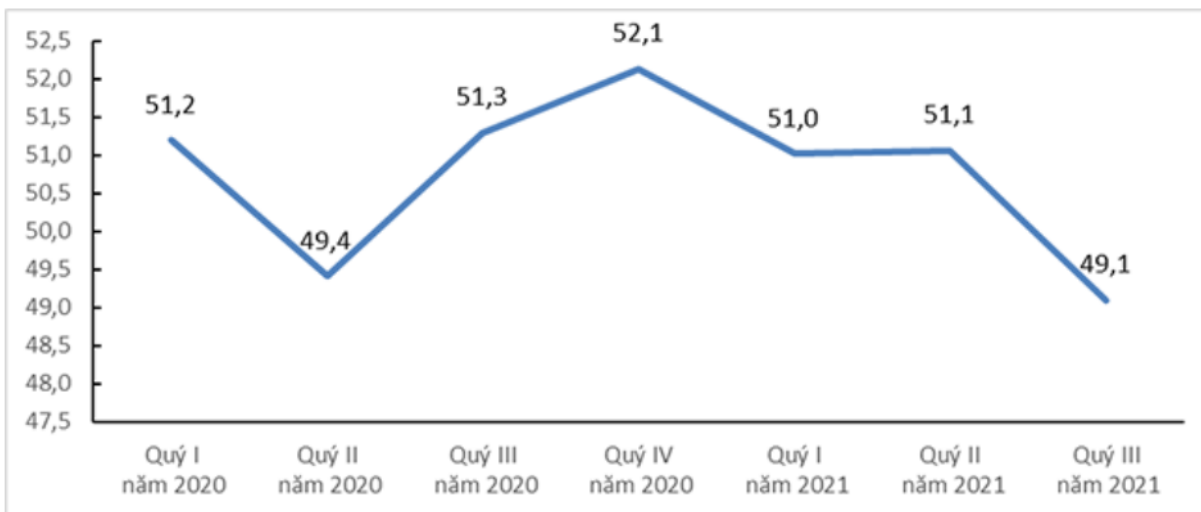
<sup>4</sup> <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Chi-thi-16-CT-TTg-2020-thuc-hien-bien-phap-cap-bach-phong-chong-dich-COVID-19-438648.aspx>

<sup>5</sup> <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/10/tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tang-truong-cac-khu-vuc-kinh-te-quy-iii-nam-2021/> cập nhật 14/12/2021

<sup>6</sup> [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS\\_824912/lang--vi/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_824912/lang--vi/index.htm) cập nhật 14/12/2021

67,2%<sup>7</sup>. Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 lần thứ tư đã làm số người tham gia lực lượng lao động sụt giảm nghiêm trọng. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở mức thấp chưa từng có trong vòng 10 năm trở lại đây.

Đơn vị tính: Triệu người



Hình 3 Lực lượng lao động các quý, năm 2020 và 2021

Nguồn: Tổng cục thống kê (2021)

Dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng đến khu vực chính thức làm số lao động trong khu vực này giảm mà còn lan rộng sang cả khu vực phi chính thức khiến người lao động không còn cơ hội tìm được việc làm phi chính thức như thường thấy trước đây. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức quý III năm 2021 là 54,5%, giảm 2,9 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 2,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động phi chính thức khu vực thành thị là 46,2%, giảm 2,4 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 3,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ này ở khu vực nông thôn là 61,8%, giảm 2,9 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước<sup>8</sup>.

## 4. CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH

### 4.1. TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 QUA 2 ĐỢT DỊCH VÀ SỰ ỨNG PHÓ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### *Việc làm*

Nguyên nhân di cư cơ bản nhất mà khảo sát của nhóm cũng như các nghiên cứu của Bộ lao động, Tổng cục thống kê chỉ ra xuất phát từ vấn đề sinh kế, việc làm và thu nhập. Lao động tự do khá dễ tìm kiếm việc làm với các công việc kỹ năng thấp ở các thành phố lớn hơn so với ở quê. Đặc điểm nghề nghiệp của lao động tự do di cư nữ là họ thường làm những nghề giản đơn, không đòi hỏi kỹ năng, trừ một số ít người làm giúp việc, nhân viên bán hàng thì đa phần chủ động hoàn toàn về thời gian và cách thức bố trí công việc của mình. Dưới tác động của Covid-19 những công việc liên quan đến mưu sinh trên đường phố bị ảnh hưởng nặng nề, số lao động làm các nghề này giảm như Bán hàng rong giảm từ

<sup>7</sup> <http://consosukien.vn/bao-cao-tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-nam-2021.htm> cập nhật 14/12/2021

<sup>8</sup> <http://consosukien.vn/bao-cao-tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-nam-2021.htm> cập nhật 14/12/2021

53,0% thời điểm 7/2020 xuống 45,0% trước 7/2021 và còn 28,5% vào thời điểm 11/2021. Tương tự khi so sách trước và sau thời điểm sóng thứ 4 với các nhóm khác, số người bán vé số từ 11,5% còn 5,0%; bốc vác, vận chuyển hàng hóa giảm từ 1,5% còn 0,5%. Các công việc này giảm cơ bản không phải chuyển sang việc khác mà do họ không có việc làm. Nhóm đối tượng khảo sát tại thời điểm 7/2020 đều là lao động có việc làm thì đến trước dịch thứ 4 có 1,5% số này không còn việc làm, con số này tăng mạnh lên 26% không có việc làm do dịch Covid-19 lần thứ 4. Tỷ lệ thất nghiệp lớn dưới tác động của Covid-19 lần thứ 4 gây ra nhiều hệ lụy về an sinh xã hội lên người lao động và xã hội.

**Bảng 3. Nghề của lao động nữ di cư khu vực phi chính thức trước và sau đợt giãn cách xã hội do Covid-19 lần thứ 4**

Nghề nghiệp	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Trước 7/2021	11/2021	Trước 7/2021	11/2021	Trước 7/2021	11/2021
Bán hàng rong	33,0	18,0	57,0	39,0	45,0	28,5
Lao động thu gom rác	16,0	11,0	2,0	1,0	9,0	6,0
Người làm nghề bốc vác, vận chuyển hàng hóa	2,0	1,0	1,0	0,0	1,5	0,5
Giúp việc	8,0	10,0	5,0	4,0	6,5	7,0
Người bán lẻ vé số lưu động	2,0	1,0	21,0	9,0	11,5	5,0
Người lao động tại các cơ sở dịch vụ ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe	8,0	6,0	3,0	4,0	5,5	5,0
Thu mua phế liệu	26,0	23,0	7,0	4,0	16,5	13,5
Không có việc làm	2,0	23,0	1,0	29,0	1,5	26,0
Khác	3,0	7,0	3,0	10,0	3,0	8,5
<b>Total</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Một điều khá ngạc nhiên khi so sánh tình trạng việc làm của người lao động tại 2 thời điểm khảo sát, dữ liệu chỉ ra rằng các chỉ số việc làm tại thời điểm tháng 11/2021 tốt hơn thời điểm tháng 7/2020. Có đến 32,5% người được hỏi cho biết công việc diễn ra bình thường trong khi số này ở thời điểm sau sóng Covid thứ hai là 18,6%. Điều này cho thấy địa phương và người lao động đã có sự chuẩn bị và thích ứng tốt hơn trước tác động của dịch lên vấn đề việc làm. Tuy nhiên, số liệu khảo sát cũng cho thấy rằng tác động của dịch Covid-19 lần thứ 4 này rất lớn nó thể hiện ở con số đáp viên trả lời có tới 26,0% người lao động rơi vào tình trạng “Không có việc làm” so với đợt dịch lần 2 là 1,5%. Không có việc làm đồng nghĩa với việc không có tiền để chi phí đảm bảo cuộc sống hàng ngày, điều này một lần nữa khẳng định nhóm chịu tác động của dịch Covid-19 là nhóm lao động tự do di cư. Do đó, cần có nhiều chính sách để hỗ trợ cho nhóm này đảm bảo an sinh xã hội.

Nhóm lao động có tình trạng việc làm “Châm dứt công việc” của Tp. Hồ Chí Minh ở đợt 4 cao hơn so với Hà Nội 19,0% so với 12,0% điều này có thể thấy rất rõ thông qua các con số báo cáo tác động của Covid-19 đợt dịch lần thứ 4 này ở Tp. Hồ Chí Minh diễn ra mạnh hơn, tác động rất lớn đến người dân nói chung và nhóm lao động tự do di cư nói riêng. Từ ngày 24/7/2021 tính đến 18h30 ngày 10/12/2021



theo báo cáo của Bộ y tế số người nhiễm và tử vong do Covid-19 ở Hà Nội là 16.271 người nhiễm, 62 người tử vong còn Tp. Hồ Chí Minh có số này là 484.602 người nhiễm và có 18.632 người tử vong.

**Bảng 4. Tình trạng việc làm tại thời gian điểm khảo sát**

Nội dung đánh giá	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Diễn ra bình thường, không có gì thay đổi	7,3	42,0	30,0	23,0	18,6	32,5
Bị giãn việc/ngỉ việc luân phiên	5,3	15,0	49,0	37,0	27,2	26,0
Bị ngừng việc tạm thời	54,7	18,0	8,0	19,0	31,3	18,5
Phải chuyển công việc khác	3,0	5,0	2,3	2,0	2,8	3,5
Chấm dứt công việc	28,7	12,0	10,7	19,0	19,6	15,5
Khác	1,0	8,0	0,0	0,0	0,5	4,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Tuy nhiên số lao động chuyển nghề do tác động của dịch Covid-19 không cao, và với những người chuyển đổi nghề nghiệp thì họ cũng chỉ chuyển sang những nghề lao động giản đơn khác vẫn thuộc nhóm lao động tự do. Đánh giá mức độ khó khăn trong việc chuyển đổi nghề, 88,3% người trả lời tại thời điểm 7/2020 và 85,7% tại thời điểm 11/2021 cho biết họ gặp khó khăn trong việc chuyển sang nghề khác trong đó đánh giá ở mức rất khó tăng từ 11,8% lên 57,1%. Dường như ở Hà Nội việc chuyển đổi việc làm được đánh giá là thuận lợi hơn, có sự chênh lệch đáng kể so với ở Tp. Hồ Chí Minh, với 20% những người chuyển đổi việc ở Hà Nội cho biết rất dễ tìm việc thì ở Tp. Hồ Chí Minh 100% cho rằng khó chuyển đổi nghề.

**Bảng 5. Đánh giá mức độ khó khăn trong việc chuyển đổi nghề**

Mức độ	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Rất dễ tìm việc	0,0	20,0	0,0	0,0	0,0	14,3
Dễ tìm việc hơn	22,4	0,0	0,0	0,0	5,9	0,0
Bình thường	0,0	0,0	8,0	0,0	5,9	0,0
Khó tìm việc	55,2	20,0	84,0	50,0	76,5	28,6
Rất khó tìm việc	22,4	60,0	8,0	50,0	11,8	57,1
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

## Thu nhập

Đi cùng với những khó khăn về việc làm là vấn đề thu thập, gần như tất cả đối tượng được khảo sát đều cho biết thu nhập của họ bị ảnh hưởng. Mức độ ảnh hưởng của đợt dịch sau cao hơn đợt dịch trước, nếu như tại thời điểm 7/2020 có 48,3% cho biết họ không có thu nhập thì tại thời điểm 11/2021 có 78,5% cho biết họ không có thu nhập. Tỷ lệ 78,5% này bao gồm nhóm lao động bị ảnh hưởng công việc dưới tác động của đợt dịch lần thứ 4: Nhóm bị giãn việc, nghỉ việc; nhóm chuyển việc; bị ngừng việc tạm thời, nhóm bị chấm dứt công việc dẫn đến tình trạng không có thu nhập. Nhóm bị ảnh hưởng nhiều nhất vẫn là nhóm có công việc mưu sinh gắn với đường phố như bán hàng rong, bán vé số, thu mua phế liệu.

**Bảng 6. Mức độ thay đổi thu nhập trước và sau dịch**

Thay đổi	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Thu nhập tăng nhiều hơn	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Thu nhập tăng nhẹ	1,3	1,0	0,7	1,0	1,0	1,0
Không thay đổi	4,7	0,0	7,0	0,0	5,8	0,0
Thu nhập giảm nhẹ	2,0	5,0	10,7	9,0	6,3	7,0
Thu nhập giảm nhiều	7,7	11,0	69,3	11,0	38,5	11,0
Có thu nhập nhưng không ổn định	-	4,0	-	1,0	-	2,5
Không có thu nhập	84,3	79,0	12,3	78,0	48,3	78,5
<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

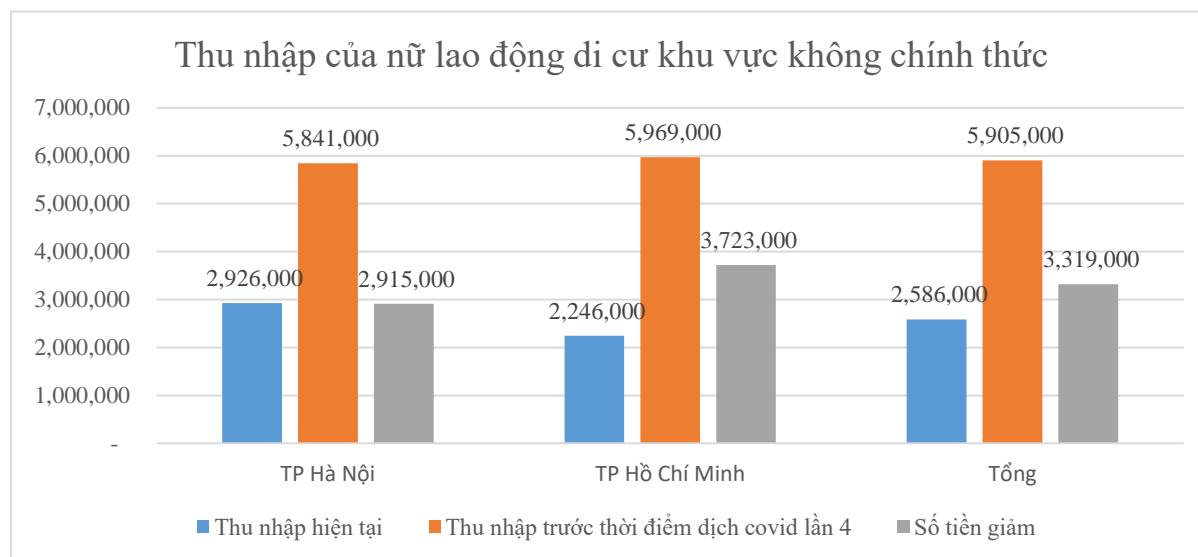
Mức độ giảm thu nhập do làn sóng Covid-19 lần thứ 4 cũng nặng nề hơn lần trước. Nếu tính trung bình thì số thu nhập giảm hơn một nửa từ 5.905.000 đ/tháng còn 2.586.000 đ/tháng. Nếu ở lần thứ hai cho thấy thu nhập bình quân giảm mạnh, nhất là ở Hà Nội giảm từ 4.556.677 đ/tháng xuống còn 1.686.306 đ/tháng thì lần này mức giảm ở Tp. Hồ Chí Minh lớn hơn khu vực Hà Nội. Thu nhập bình quân tháng của lao động nữ di cư tự do ở Tp. Hồ Chí Minh giảm 3.723.000 đ/tháng so với 2.915.000 đ/tháng ở Hà Nội. Nhìn vào thực tế thì đây là mức thu nhập rất thấp để có thể duy trì cuộc sống ở các thành phố loại 1.

**Bảng 7. Thu nhập của lao động nữ di cư trong khu vực phi chính thức trước và sau dịch**

Thay đổi	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Thu nhập hiện tại	1.686.306	2.926.000	3.739.048	2.246.000	5.525.738	2.586.000
Thu nhập trước thời điểm dịch covid	4.556.676	5.841.000	6.494.800	5.969.000	3.991.416	5.905.000
Số tiền giảm	2.873.037	2.915.000	2.755.752	3.723.000	1.534.321	3.319.000

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Lý do chính được các lao động nữ di cư trong khu vực phi chính thức dẫn đến việc giảm hoặc mất thu nhập vẫn là do giãn cách xã hội. Điều này cũng phù hợp với đặc điểm nghề lao động tự do của nhóm này một khi không được ra đường hoặc khách không ra đường thì họ không có kế mưu sinh.



**Hình 4. Thu nhập của nữ lao động di cư khu vực phi chính thức thời điểm khảo sát 11/2021**

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Do nguồn thu nhập bị ảnh hưởng nhiều nên để trang trải cuộc sống các lao động nữ di cư phải sử dụng các phương thức tài chính khác nhau trong đó có 4 cách cơ bản nhất là sử dụng đến tiền tiết kiệm; Phải vay mượn người thân/ngân hàng; Phải xin trợ cấp của địa phương và Dùng đồ quyên góp, ủng hộ, tặng miễn phí. Nếu ở Hà Nội lao động nữ có tỷ lệ sử dụng tiền tiết kiệm nhiều hơn thì ở Hồ Chí Minh họ lại có xu hướng xin trợ cấp của địa phương và Dùng đồ quyên góp, ủng hộ, tặng miễn phí. Điều này cũng phù hợp với đặc điểm, văn hóa tiết kiệm và chi tiêu của vùng miền. Trong khi người miền Bắc thường quan tâm tiết kiệm thì người miền Nam có đặc tính tiết kiệm ít hơn và sự cởi mở, nương tựa cộng đồng cao hơn.

**Bảng 8. Phương thức tài chính mà người lao động sử dụng trước ảnh hưởng của đợt Covid 19 lần thứ 4**

Phương thức tài chính	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %
Phải sử dụng đến tiền tiết kiệm	57	57,0	46	46,0	103	51,5
Mua đồ trả góp	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Phải vay mượn người thân/ngân hàng	50	50,0	40	40,0	90	45,0
Vay lãi suất cao (tín dụng đen)/ Bán sổ bảo hiểm	0	0,0	2	2,0	2	1,0
Phải xin trợ cấp của địa phương	28	28,0	69	69,0	97	48,5
Dùng đồ quyên góp, ủng hộ, tặng miễn phí	33	33,0	56	56,0	89	44,5

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

## Chi tiêu

Khảo sát qua 2 thời kỳ đều cho thấy lựa chọn chung của những lao động này trước tác động của dịch là cắt giảm chi tiêu, mà trước tiên là chi tiêu cho ăn uống. Tỷ lệ cắt giảm chi tiêu cho ăn uống do dịch lần thứ 4 lên tới 87,5% so với con số 77,3% do dịch lần thứ 2. Những người trả lời cho biết họ không đủ tiền để mua đủ nhu cầu bình thường nên phải giảm chi phí ăn uống. Việc không đủ chi phí để đáp ứng nhu cầu ăn uống bình thường cho thấy tình trạng cực kỳ khó khăn của người lao động, ngay cả với nhu cầu tối thiểu là ăn uống để tái tạo sức lao động cũng không đạt được ở mức bình thường.

**Bảng 9. Thay đổi về chi phí ăn uống trước và sau dịch**

Thay đổi ăn uống trước và sau dịch	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Chi phí ăn uống tăng nhiều	5,3	1,0	0,0	11,0	2,7	6,0
Chi phí ăn uống tăng nhẹ	5,0	2,0	0,0	3,0	2,5	2,5
Chi phí ăn uống không đổi	22,7	7,0	12,3	1,0	17,5	4,0
Chi phí ăn uống giảm nhẹ	28,3	13,0	50,7	17,0	39,5	15,0
Chi phí ăn uống giảm nhiều	38,7	77,0	37,0	68,0	37,8	72,5
<b>Tổng</b>	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Những điều chỉnh liên quan đến ăn uống của người lao động trong đó lựa chọn giảm thịt được lựa chọn nhiều nhất là 57,0% nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với con số 72,3% ở lần dịch thứ hai. Nguyên nhân bên cạnh việc cắt giảm chi phí sinh hoạt còn có thể do tại thời điểm 7/2020 giá thịt tăng<sup>9</sup> nhưng tại thời điểm 11/2021 giá thịt lợn đã được bình ổn và có phần thấp hơn so với mức chung. Tuy nhiên khi so sánh 2 địa điểm khảo sát thì thấy có sự khác biệt rõ rệt khi tại thời điểm 11/2021 vẫn có 73% người khảo sát ở Hà Nội chọn giải pháp này trong khi con số ở Tp. Hồ Chí Minh là 41%. Điểm khác biệt tiếp theo là lao động ở Tp. Hồ Chí Minh có xu hướng tăng tích trữ nhiều đồ ăn do sợ thiếu hụt và sử dụng lương thực, thực phẩm do người thân cung cấp, hỗ trợ. Do đã quen và có sự chuẩn bị trước nên số người phải ăn mỳ qua ngày cũng ít hơn, giảm từ 47,85 xuống còn 9,5% qua 2 đợt dịch. Tuy nhiên, nhìn tổng quan thì lao động nữ di cư rất khó khăn khi tỷ lệ giảm bữa, gộp bữa lên đến 49% người được hỏi, tăng từ con số 30,5% đợt dịch thứ hai. Đây là thực tế đáng báo động về vấn đề an sinh cơ bản của nhóm người lao động nữ di cư làm nghề tự do

<sup>9</sup> Giá lợn hơi trên cả nước liên tục tăng trong suốt 5 tháng đầu năm 2020, luôn ở mức trên 90.000 đ/kg, có thời điểm cuối tháng 5/2020 giá lên trên 100.000 đ/kg (xem thêm <http://vinanet.vn/thi-truong1/tom-luoc-thi-truong-thit-lon-6-thang-dau-nam-2020-732280.htm>)

**Bảng 10. Giải pháp ăn uống của lao động dưới tác động của dịch Covid-19**

Giải pháp	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Giảm bữa, gộp bữa	42,3	49,0	18,7	49,0	30,5	49,0
Ăn đồ ăn vặt nhiều hơn	6,0	6,0	2,0	3,0	4,0	4,5
Giảm thịt do giá thịt cao/tiết kiệm chi phí	73,3	73,0	71,3	41,0	72,3	57,0
Ăn nhiều rau xanh hơn	47,0	27,0	35,0	30,0	41,0	28,5
Ăn nhiều mì tôm hơn	40,3	10,0	55,3	9,0	47,8	9,5
Tích trữ nhiều đồ ăn do sợ thiếu hụt	25,3	3,0	46,0	24,0	35,8	13,5
Chủ yếu sử dụng lương thực, thực phẩm do người thân cung cấp, hỗ trợ (từ quê...)	15,3	18,0	20,7	28,0	18,0	23,0
Khác	4,3	2,0	7,3	2,0	5,8	2,0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

### **Chỗ ở**

Đa số người di cư đều là di cư ngoại tỉnh, đến từ vùng nông thôn của các tỉnh khác lên khu vực trung tâm của Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh để tìm việc làm. Mặc dù chịu tác động nặng nề của làn sóng Covid-19 lần thứ 4 nhưng 68% người lao động vẫn lựa chọn ở lại thành phố, con số này thời điểm 7/2020 là 55,67%. Vẫn như đợt dịch thứ hai, số người ở lại của Tp. Hồ Chí Minh là 78%, cao hơn 20% so với Hà Nội. Tuy nhiên số người ở Tp. Hồ Chí Minh đã về quê thì rất ít số đã quay trở lại trong khi đó tỷ lệ đã về quê và quay trở lại thành phố tìm kiếm việc làm ở Hà Nội là 21%, chiếm ½ tổng số người rời thành phố do dịch. Điều này ghi nhận tình trạng khó khăn của những người di cư khu vực phía bắc ra thành phố khó tìm kiếm việc làm phù hợp tại quê hơn so với khu vực phía nam. Trong số 21% người lao động nữ di cư vào Tp. Hồ Chí Minh được hỏi đã trở về quê thì chỉ có 3% trở lại thành phố.

**Bảng 11. Hiện trạng cư trú của người được hỏi tại thời điểm 11/2021**

Nơi ở	Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	Tổng cộng
Vẫn ở tại thành phố	58,0	78,0	68,0
Đã về quê và quay trở lại TP	21,0	3,0	12,0
Về quê và hiện đang ở quê	21,0	19,0	20,0
Tổng	100,0	100,0	100,0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Về chỗ ở, số liệu khảo sát qua 2 đợt dịch cho thấy tác động của Covid-19 lên vấn đề chỗ ở của lao động nữ di cư có thay đổi. Nếu thời điểm 7/2020 chỉ có 9,0% cho biết có thay đổi về chỗ ở thì thời điểm 11/2021 tăng gấp đôi lên 18%. Trong đó các nguyên nhân dẫn đến việc chuyển đổi chỗ ở được đưa ra: do muốn chuyển chỗ ở tốt hơn (80,6%); Không đủ tiền thuê chỗ cũ nên phải chuyển (86,1%); hay do muốn cắt giảm chi tiêu phân thuê nhà (97,2%). Bên cạnh đó cũng có trường hợp chuyển chỗ ở tới nơi khác do được cho ở nhờ.

Với những người ở lại, khó khăn nhất mà họ gặp phải là bị hạn chế đi lại với hơn 90% người trả lời qua 2 đợt khảo sát. Những người bán hàng rong, vé số hay đồng nát thì điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm và thu nhập của họ. Tại thời điểm 7/2020 có 30,5% khó khăn do thiếu đồ ăn nhưng thời điểm 11/2021 con số này đã tăng hơn 2 lần lên 74,6%. Trong đó mức độ khó khăn của Hà Nội đợt 2 cao hơn Tp. Hồ Chí Minh nhưng ở đợt 4 thì Tp. Hồ Chí Minh lại cao hơn.

**Bảng 12. Những khó khăn người lao động gặp phải khi lựa chọn ở lại thành phố**

Hiện trạng chỗ ở	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Bị hạn chế đi lại	96,6	96,5	88,6	92,2	90,7	94,0
Thiếu đồ ăn	37,5	68,4	28,0	79,2	30,5	74,6
Khó khăn tiếp cận các nguồn hỗ trợ từ gia đình	12,5	12,3	1,6	24,7	4,5	19,4
Khác	10,2	14,0	5,7	6,5	6,9	9,7
Khó khăn tìm chỗ ở	3,4	3,5	0,8	2,6	1,5	3,0
Khó khăn trong tiếp cận thông tin, liên lạc với gia đình	5,7	0,0	4,1	5,2	4,5	3,0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Hầu hết lao động di cư đều thuê trọ theo tháng và thường ở chung nhau với chỗ ở thiếu tiện nghi. Tuy nhiên do tác động của dịch nên việc thuê trọ theo tháng giảm từ 89,9% còn 71%, mức giảm của Tp. Hồ Chí Minh lớn hơn Hà Nội. Trong khi ở Tp. Hồ Chí Minh có đến 18% trả nhà về quê và đang ở quê thì số này ở Hà Nội chỉ bằng một nửa. Nguyên nhân chính là do tình hình dịch tại Tp. Hồ Chí Minh phức tạp hơn ở Hà Nội với mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng hơn. Số người ở Hà Nội ở nhờ (bao gồm nhà người quen và tại chỗ làm) tăng 4,3% nhiều hơn ở Tp. Hồ Chí Minh cũng phản ánh mối liên hệ cộng đồng ở Hà Nội lớn hơn ở Tp. Hồ Chí Minh

**Bảng 13. Chỗ ở hiện nay của lao động nữ di cư khu vực phi chính thức (%)**

Hiện trạng chỗ ở	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Thuê nhà trọ theo tháng	88,3	70,1	91,3	72,0	89,9	71,0
Thuê nhà trọ theo ngày	1,0	1,0	0,7	0	0,8	0,5
Đã về trả nhà trọ về quê và đang ở nhà ở quê	-	9,0	-	18,0	-	13,5
Ở nhờ	1,7	6,0	3,3	3,0	2,5	4,5
Ở tại chỗ làm việc	8,7	9,0	3,3	0	6,0	4,5
Khác	0,3	5,0	1,3	7,0	0,8	6,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Tình trạng không khai báo tạm trú ở địa phương vẫn ở mức cao và con số này ở thời điểm khảo sát 11/2021 cao hơn thời điểm 7/2020. Con số này khá tương ứng với số người trả nhà trọ về quê nhưng cũng cho thấy một thực tế là sự gắn bó giữa địa bàn dân cư nơi tiếp nhận lao động di cư và người lao động không gắn kết chặt chẽ. Đây tiếp tục là bài toán đặt ra cho quản lý đô thị, đồng thời cũng khiến người lao động khó tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội công khi không có khai báo tạm trú chính thức với địa phương đến.

**Bảng 14. Tình trạng khai báo tạm trú ở địa phương đến**

Phương án	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Có	59,9	52,0	81,3	64,0	70,7	58,0
Không	40,1	48,0	18,7	36,0	29,3	42,0
<b>Tổng số</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

### **Chăm sóc y tế**

Dịch Covid-19 cũng làm cho người lao động thay đổi cách quan tâm đến vấn đề sức khỏe. Trong đợt khảo sát lần thứ nhất 86,33% cho biết đã quan tâm hơn đến vấn đề sức khỏe, đặc biệt người lao động ở Tp. Hồ Chí Minh người dân có đến 96% cho biết có sự thay đổi. Lựa chọn của người trả lời về hành động khi có vấn đề về sức khỏe như cảm cúm có sự thay đổi rõ rệt theo thời gian. Tuy nhiên điểm chung là họ chọn phương án ít chi phí nhất là tự mua thuốc hoặc ra hiệu thuốc hỏi ý kiến người bán

hơn là phải bỏ chi phí đến khám tại cơ sở y tế dù con số lựa chọn đến cơ sở y tế đã tăng từ 10% trước lần sóng thứ hai lên 17% sau lần sóng thứ hai và 22,5% thời điểm lần sóng thứ 4. Tại thời điểm 11/2021 có 44,5% lựa chọn tự mua thuốc theo kinh nghiệm tăng gấp ba trong khi số người trả lời lựa chọn hỏi ý kiến người bán thuốc giảm một nửa. Những con số này nói lên hai vấn đề, thứ nhất người dân đã quan tâm hơn đến hệ thống y tế nhưng họ chịu áp lực tài chính nên khó tiếp cận cơ sở y tế; thứ hai, họ đã có kinh nghiệm hơn và dần tự tin hơn trong việc ứng phó với các triệu chứng có biểu hiện liên quan đến Covid-19

**Bảng 15. Biện pháp lựa chọn của lao động nữ di cư khu vực phi chính thức khi bị cảm cúm**

Biện pháp	Hà Nội			Tp. Hồ Chí Minh			Tổng cộng		
	Trước dịch lần 2	Sau dịch lần 2	Đợt giãn cách xã hội đợt dịch lần 4	Trước dịch lần 2	Sau dịch lần 2	Đợt giãn cách xã hội đợt dịch lần 4	Trước dịch lần 2	Sau dịch lần 2	Đợt giãn cách xã hội đợt dịch lần 4
Đến khám tại cơ sở y tế	14,0	22,8	22,0	6,0	11,3	23,0	10,0	17,0	22,5
Hỏi ý kiến những người có kinh nghiệm	2,3	2,3	0,0	1,3	3,3	0,0	1,8	2,8	0,0
Ra hiệu thuốc hỏi ý kiến người bán	67,3	64,0	21,0	71,0	68,3	42,0	69,2	66,2	31,5
Tự mua thuốc theo kinh nghiệm	15,3	10,0	55,0	20,3	15,7	34,0	17,8	12,8	44,5
Khác	1,00	1,0	2,0	1,3	1,3	1,0	1,2	1,2	1,5
<b>Tổng cộng</b>	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Nhìn chung người dân đã có ý thức tốt với công tác phòng chống dịch, 93,0% người trả lời lựa chọn Hạn chế tiếp xúc cộng đồng tăng từ 66,8% so với thời điểm 7/2020. Điều đáng nói là con số này đã tăng gấp đôi ở Tp. Hồ Chí Minh từ 43% lên 93% do những hệ lụy tiêu cực gây ra từ đợt dịch thứ 4. 83.0% người được hỏi cho biết họ thường xuyên đeo khẩu trang khi ra ngoài nhưng dường như ở Hà Nội có xu hướng chủ quan hơn số liệu cho thấy nếu thời điểm 7/2020 100% người được hỏi tại Hà Nội cho biết họ thường xuyên đeo khẩu trang khi ra ngoài thì số này chỉ còn 70% tại thời điểm 11/2021. Đây cũng là vấn đề cần lưu ý đối với công tác phòng chống dịch bởi cho đến thời điểm khảo sát thì tác động của Covid-19 lên Hà Nội vẫn thấp hơn nhiều so với Tp. Hồ Chí Minh.



**Bảng 16. Biện pháp phòng dịch khi cao điểm của người lao động**

Biện pháp	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Hạn chế tiếp xúc cộng đồng	90,7	93,0	43,0	93,0	66,8	93,0
Thường xuyên rửa tay bằng xà phòng, không chạm tay vào mắt, mũi, miệng	95,3	80,0	83,3	90,0	89,3	85,0
Đeo khẩu trang khi đi ra ngoài	100,0	70,0	99,3	96,0	99,7	83,0
Súc miệng, súc họng thường xuyên	62,7	64,0	76,0	52,0	69,3	58,0
Tự theo dõi ở nhà, không vội vàng đến ngay cơ quan y tế khi mới có biểu hiện ốm	34,3	49,0	37,0	34,0	35,7	41,5
Tự che kín miệng khi ho hoặc hắt hơi	69,7	54,0	74,7	27,0	72,2	40,5
Mở cửa, giữ không khí chỗ ở thông thoáng	54,0	41,0	33,7	21,0	43,8	31,0
Giữ ấm cơ thể, tập thể dục, ăn chín, uống chín	55,7	32,0	56,0	23,0	55,8	27,5
Rửa tay sau khi bỏ khẩu trang	71,7	30,0	59,0	25,0	65,3	27,5
Sử dụng khẩu trang vải do không có khẩu trang y tế	77,7	30,0	70,0	17,0	73,8	23,5
Không tiếp xúc gần với động vật nuôi hoặc động vật hoang dã	57,7	28,0	47,3	9,0	52,5	18,5
Thay/không mặc quần áo đi ngoài đường ở trong nhà	59,0	23,0	64,0	12,0	61,5	17,5
Tiết kiệm khẩu trang y tế dùng vài lần	38,7	27,0	19,0	6,0	28,8	16,5
Mang theo nước rửa tay cá nhân	38,7	15,0	47,7	14,0	43,2	14,5

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Khi được hỏi nếu dịch bùng phát trở lại thì mức độ lo lắng thế nào thì số người được hỏi cho biết lo lắng cho sự an toàn của bản thân và gia đình tăng từ 47,9% thời điểm 7/2020 lên 69,7% thời điểm 11/2021 tương ứng với số người trả lời đã có kinh nghiệm nên không lo lắng giảm từ 17,7% xuống còn 3,4%. Điều này cho thấy mức độ tác động của Covid-19 qua 4 đợt dịch tác động mạnh đến tâm lý của người lao động. Dù rất lo lắng nhưng khi được hỏi sẽ ở lại hay trở về quê thì đa phần người được hỏi lựa chọn ở lại do nếu về quê cũng khó tìm kiếm công việc khác, hoặc nếu có về quê thì cũng tạm thời hết dịch lại lên thành phố làm việc. 87,5% người được hỏi tin rằng dịch sẽ bùng phát trở lại, trong đó người trả lời ở Hà Nội là 94% và con số này tương ứng ở Tp. Hồ Chí Minh là 81%

**Bảng 17. Phản ứng của người được hỏi nếu dịch bệnh bùng phát trở lại tại thời điểm 11/2021 (%)**

Mức độ	Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	Chung
Lo lắng cho sự an toàn của bản thân và gia đình	62,8	77,8	69,7
Đã có kinh nghiệm nên không lo lắng	2,1	4,9	3,4
Sẽ trở về nhà	13,8	9,9	12,0
Sẽ ở tại chỗ và tuân thủ các quy định y tế	18,1	7,4	13,1
Khác	3,2	0,0	1,7
<b>Tổng số</b>	100	100	100

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Trong số những lao động tự do khảo sát đợt 11/2021 có đến 14% người được hỏi ở Tp. Hồ Chí Minh bị nhiễm Covid-19, đây là tỷ lệ rất cao và đáng báo động về nguy cơ lây nhiễm đối với nhóm người này. Nguyên nhân chính là bởi sinh kế của nhóm người này gắn với đường phố, khả năng tiếp xúc nguồn lây nhiễm lớn cộng thêm điều kiện sinh hoạt trong các khu trọ đông đúc và điều kiện cũng như hiểu biết về dự phòng thấp. Trong số những người nhiễm ở Tp. Hồ Chí Minh chỉ có 42,9% đến cơ sở y tế, 35,7% báo y tế địa phương, ở nhà tự chữa theo hướng dẫn và 21,4 % ở nhà tự mua thuốc chữa (theo tham khảo ý kiến bạn bè và thông tin trên mạng). Con số người lao động phải tự xoay xở khi nhiễm là khá cao. Trong số những người nhiễm có 35,7% phải bỏ thêm chi phí cho việc khám chữa Covid-19, điều này không phù hợp với chủ trương của của Chính phủ trong công tác khám chữa bệnh do Covid-19.

**Bảng 18. Mức độ lây nhiễm Covid -19 và chữa trị của người lao động (%)**

Mức độ	Hà Nội	Hồ Chí Minh	Chung
Chị đã từng bị nhiễm Covid-19	1,0	14,0	7,5
Nếu từng bị nhiễm, chị đã làm gì?			
Đề tự khỏi	0	0	
Ở nhà tự mua thuốc chữa (theo tham khảo ý kiến bạn bè và thông tin trên mạng)	0	21,4	20,0
Báo y tế địa phương, ở nhà tự chữa theo hướng dẫn	0	35,7	33,3
Đến cơ sở y tế	100,0	42,9	46,7
Chị có phải bỏ thêm chi phí cho việc khám chữa Covid hay không?	0	35,7	33,3
Nếu có, chi phí đó ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của chị?			
Rất nghiêm trọng	0	0	0
Nghiêm trọng	0	0	0
Có ảnh hưởng nhiều nhưng chịu được	0	100,0	0
Có ảnh hưởng ít, không đáng kể	0	0	0
Không có ảnh hưởng	100	0	100

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

### Tiếp cận thông tin

Kênh thông tin cơ bản mà người dân có thể tiếp cận về dịch bệnh là từ những người xung quanh với tỷ lệ tăng từ 54,2% lên 71% qua 2 đợt khảo sát. Điều này cho thấy mức độ tin cậy và dựa vào truyền miệng của thông tin là rất lớn. Loa phát thanh tại địa phương cũng là một trong những nguồn tin có thể giúp người dân tiếp cận các thông tin mới bên cạnh cách kênh hiện đại hơn như mạng xã hội và tivi. Đường như qua đợt dịch thứ 4 thì vai trò của nhân viên công tác xã hội tăng lên rõ rệt, tỷ lệ người dân tiếp cận được thông tin qua nhân viên công tác xã hội đã tăng gấp 3 từ 10,5% lên 30,5%. Những thông tin từ báo giấy, pano áp phích không còn phù hợp.

**Bảng 19. Nguồn thông tin về dịch bệnh Covid-19 thời điểm 11/2021 (%)**

Nguồn thông tin	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %
Tivi	80	80.0	66	66.0	146	73.0
Loa phát thanh	52	52.0	56	56.0	108	54.0
Mạng xã hội	52	52.0	56	56.0	108	54.0
Mọi người xung quanh	64	64.0	52	52.0	116	58.0
Pano, áp phích	13	13.0	6	6.0	19	9.5
Khác	0	.0	2	2.0	2	1.0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Nhìn chung, khó khăn nhất của nhóm lao động nữ di cư làm tự do trước tác động của làn sóng Covid-19 thứ 4 là thu nhập bấp bênh, tiếp theo là việc làm, đây cũng là hai vấn đề có quan hệ mật thiết với nhau

**Bảng 20. Những khó khăn của lao động nữ di cư trước ảnh hưởng của làn sóng Covid-19 thứ 4 (%)**

Mức độ	Hà Nội	Hồ Chí Minh	Chung
Thu nhập bấp bênh	83,0	93,0	88,0
Tìm kiếm việc làm/việc làm không ổn định	64,0	74,0	69,0
Tiếp cận y tế	3,0	17,0	10,0
Tiếp cận thông tin	4,0	14,0	9,0
Chỗ ở	9,0	3,0	6,0
Khác	5,0	4,0	4,5
Phương tiện di chuyển	6,0	2,0	4,0
Nước sạch	2,0	3,0	2,5
Nguồn điện	1,0	1,0	1,0

Ghi chú: Khó khăn khác: “Buôn bán không được và chồng đang thất nghiệp”; “Khó khăn con cái còn nhỏ”; “Không có thu nhập”; ngoài ra có 1 trường hợp đáp viên trả lời hiện không gặp khó khăn gì mặc dù thu nhập thấp nhưng không coi đó là khó khăn”.

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

## 4.2. HỖ TRỢ CỦA CHÍNH QUYỀN VÀ CỘNG ĐỒNG, CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

Về chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với người dân chịu ảnh hưởng của Covid-19, Chính phủ đã kịp thời ban hành các quyết định quan trọng nhằm hỗ trợ người dân ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid. Trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch đợt 1, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Làn sóng Covid thứ 4 có nhiều diễn biến mới đòi hỏi những điều chỉnh chính sách đáng kể, đặc biệt Chính phủ đã tiếp thu ý kiến phản ánh từ nhân dân, từ lực lượng tuyến đầu chống dịch và ý kiến tư vấn của các chuyên gia. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP (Số: 68/NQ-CP, ngày 01/7/2021) về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, theo đó, tại Khoản 12 mục II quy định như sau:

*"Đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác: Căn cứ điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương, các tỉnh, thành phố xây dựng tiêu chí, xác định đối tượng, mức tiền hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương".*

Bên cạnh đó, tại Khoản 8 Mục III Nghị quyết số 68/NQ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tại địa phương, trong đó có hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động. Cụ thể như sau:

*"Chủ động sử dụng nguồn lực của địa phương và chỉ đạo thực hiện chính sách quy định tại Mục II Nghị quyết; báo cáo kết quả thực hiện theo tiến độ hỗ trợ gửi Bộ Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ".*

*"Chủ trì xác định và phê duyệt danh sách các đối tượng được hưởng chế độ quy định tại điểm 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Mục II Nghị quyết này; tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả, công khai, đúng đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách".*

*"Căn cứ vào tình hình thực tế địa phương để ban hành chính sách hỗ trợ theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết này từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác".*

Quy định như trên đã đủ căn cứ và chi tiết định mức, quy trình và thẩm quyền để địa phương triển khai tùy theo khả năng cân đối ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

### *Gói hỗ trợ của Hà Nội*

Giữa tháng 8/2021, TP Hà Nội đã ban hành Nghị quyết 15 quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do dịch Covid-19 với ước tính khoảng 345 tỉ đồng. Thành phố Hà Nội đã đăng công khai thủ tục hành chính về hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng bởi Covid-19, bao gồm cả đối tượng người lao động tự do.

Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng bị mất việc làm do đại dịch Covid-19” có thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc, kể từ ngày các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Trong đó UBND cấp xã xét duyệt hồ sơ 5 ngày làm việc (đã bao gồm 2 ngày làm việc niêm yết công khai); UBND cấp huyện phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ 2 ngày làm việc; UBND cấp xã tổ chức chi trả: 03 ngày làm việc.<sup>10</sup>

### *Gói hỗ trợ của Tp. Hồ Chí Minh*

Thành phố Hồ Chí Minh đã kịp thời ban hành các quyết định hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề bởi Covid-19, theo từng mốc giai đoạn áp dụng biện pháp hạn chế đi lại/ phong tỏa chống dịch của Thành phố. Cụ thể là, gói hỗ trợ đợt 1 được ban hành theo Nghị quyết số 09/2021 ngày 25/6/2021 của HĐND Thành phố khi thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 15/CT-CP, trong đó đối tượng được hỗ trợ là người lao động tự do bị mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (chính là đối tượng của nghiên cứu này). Gói hỗ trợ đợt 2 được triển khai từ đầu tháng 8/2021 khi thành phố áp dụng biện pháp giãn cách theo Chỉ thị 16/CT-CP, tiếp tục hỗ trợ nhóm lao động tự do mất việc làm, bổ sung thêm nhóm hộ nghèo và cận nghèo, hộ lao động có hoàn cảnh khó khăn. Và cuối cùng là gói hỗ trợ đợt 3 được triển khai theo Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 22/9/2021 áp dụng cho 4 nhóm đối tượng chính: (1) Thành viên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc diện hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng đang gặp khó khăn; (2) Người lao động có hoàn cảnh thật sự khó khăn do bị mất việc làm, không có thu nhập, trong thời gian Thành phố thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, đang thực tế có mặt trên địa bàn xã, phường, thị trấn (bao gồm những trường hợp đang cách ly, đang điều trị bệnh tại các cơ sở y tế không có mặt tại địa phương); (3) Người phụ thuộc của đối tượng (2) gồm: cha, mẹ, vợ hoặc chồng và các con ở nhà nội trợ hoặc không có khả năng làm việc, sống phụ thuộc đang có mặt trên địa bàn xã, phường, thị trấn tại thời điểm khảo sát và lập danh sách (bao gồm những trường hợp đang cách ly, đang điều trị bệnh tại các cơ sở y tế không có mặt tại địa phương); (4) Người lưu trú tạm thời trong các khu nhà trọ, khu lưu trú, khu lao động nghèo, xóm nghèo, có hoàn cảnh thật sự khó khăn, trong thời gian Thành phố thực hiện giãn cách và đang có mặt tại địa bàn xã, phường, thị trấn<sup>11</sup>.

Thực tế nêu trên cũng được phản ánh rõ nét trong những phát hiện dưới đây của nhóm nghiên cứu. Khi hỏi về hỗ trợ của chính quyền đối với người lao động di cư ở hai thành phố Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, nữ lao động di cư tại hai thành phố lớn nếu đợt 1 chỉ có 14,2% trả lời nhận được hỗ trợ thì con số này ở đợt 4 tăng lên 54%, trong đó tỷ lệ lao động ở Tp. Hồ Chí Minh nhận được hỗ trợ gần gấp đôi so với ở Hà Nội. Như vậy, dù qua một thời gian khá dài với những nỗ lực tiếp cận và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi Covid-19 nhưng tỷ lệ nhóm người lao động nữ di cư làm việc tại khu vực tự do tiếp cận được gói chính sách hỗ trợ còn ở mức thấp. Chính sách đã có, nhưng hiệu quả chưa cao, vậy bài toán đặt ra nằm ở khâu triển khai và phương thức triển khai chính sách.

Đa số người nhận hỗ trợ là nhận bằng tiền mặt tuy có sự giảm nhẹ từ 74,12% thời điểm 7/2020 so với 69,4% thời điểm 11/2021. So sánh tương quan tỷ lệ người nhận được tiền mặt ở 2 thành phố qua 2 thời kỳ có sự thay đổi ngược chiều. Trong khi tỷ lệ nhận tiền mặt của Hà Nội giảm và hiện vật tăng thì tỷ lệ nhận tiền mặt của Tp. Hồ Chí Minh tăng và hiện vật giảm. Điều này cũng phù hợp với tỷ lệ đăng ký

<sup>10</sup> <https://vncdc.gov.vn/ha-noi-cong-bo-5-thu-tuc-ho-tro-doi-tuong-anh-huong-covid-19-nd15792.html>

<sup>11</sup> <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/infographic-ve-ba-goi-ho-tro-cua-tp-1491884575>

tạm trú và đặc điểm diễn biến dịch tại 2 thành phố. Tại Tp. Hồ Chí Minh mức hỗ trợ trung bình là 911.111đ tại thời điểm khảo sát thứ nhất đã tăng lên 2.744.262đ tại thời điểm khảo sát lần thứ hai trong khi tại Hà Nội mức hỗ trợ thay đổi lần lượt là 786.111đ và 1.235.714đ.

**Bảng 21. Hỗ trợ từ chính quyền trong và sau thời gian dịch Covid-19 bùng phát (%)**

Lựa chọn	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Có	10,7	39,0	17,7	69,0	14,2	54,0
Không	89,3	61,0	82,3	31,0	85,8	46,0
Tổng số người trả lời	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
<i>Hình thức hỗ trợ trong số những người nhận được hỗ trợ</i>						
Tiền	56,2	35,9	84,9	88,4	74,12	69,4
Hiện vật	43,8	64,1	22,6	11,6	30,59	30,6

*Ghi chú: tỷ lệ trên tổng người nhận >100% do có người vừa nhận được tiền, vừa nhận được hiện vật, tính đến thời điểm tháng 7/2020*

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Khi được hỏi lý do chưa nhận được hỗ trợ từ chính quyền địa phương thì nguyên nhân chính là không biết thông tin, tỷ lệ này tại thời điểm 11/2021 có giảm so với thời điểm 7/2020 nhưng không đáng kể. Nhìn lại đặc điểm của những nhóm lao động này là trình độ học vấn thấp nên họ sẽ không nhanh nhạy trong việc tiếp cận các thông tin về chính sách. Điểm tích cực khi phân tích số liệu ở Tp. Hồ Chí Minh là số người không biết thông tin đã giảm hơn một nửa trong khi ở Hà Nội lại tăng gấp đôi. Do vậy Hà Nội nên xem xét lại phương thức truyền tin cho nhóm người này.

*“Rất bức xúc vì hiện tại chưa có nhận được hỗ trợ từ chính quyền - do không có danh sách gửi lên nhận hỗ trợ có gọi điện đến tổng đài để yêu cầu giải quyết mà chưa được xử lý”.*

*Nguồn: PV nữ, 1982, Thành phố Hồ Chí Minh (11/2021)*

Khó khăn thứ hai đến từ thủ tục, có 22,8% người lao động cho biết họ không nhận được hỗ trợ do vướng thủ tục khi làm việc với chính quyền với số liệu khá tương đồng giữa 2 đợt khảo sát. Điều này đặt ra vấn đề là dù có những sự chỉ đạo quyết liệt từ chính quyền trung ương để đưa những gói hỗ trợ đến được với người dân thì nhóm lao động này vẫn không có sự cải thiện trong khi làm việc với chính quyền để nhận hỗ trợ. Một khó khăn tiếp theo được ghi nhận là họ cho biết họ không đủ điều kiện để nhận hỗ trợ, con số này tăng từ 14,3% thời điểm 7/2020 lên 20,7% thời điểm 11/2021 mặc dù chính phủ, bộ Lao động Thương binh và xã hội đã cố gắng giảm các tiêu chí và thủ tục để lao động tự do nhận hỗ trợ.

**Bảng 22. Lý do không nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương**

Lý do	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không biết thông tin	16,8	32,8	70,0	32,3	36,3	32,6
Không đủ điều kiện nhận hỗ trợ	23,5	14,8	9,3	32,3	14,3	20,7
Không chứng minh được mình đủ điều kiện nhận hỗ trợ	18,3	1,6	5,7	22,6	10,5	8,7
Khó khăn trong làm thủ tục do chính quyền	24,2	24,6	25,9	19,4	21,5	22,8
Khó khăn do chủ quan của mình	6,7	16,4	0,0	6,5	3,0	13
Khác	24,6	32,8	4,7	25,8	13,0	30,4

Lý do khác: Trong tổng số 200 người được hỏi thì số lượng người chưa nhận được hỗ trợ là 28 người chiếm tỷ lệ 30.4%. Nguyên nhân chưa nhận được hỗ trợ chủ yếu do: Đã báo lên chính quyền địa phương làm thủ tục nhưng đến thời điểm hiện tại chưa nhận được hỗ trợ; Về quê nhưng ở quê không có chính sách hỗ trợ; Có trường hợp đang làm hồ sơ chưa xong; ngoài ra cũng có người không nhận hỗ trợ do thấy rằng nhiều người còn khổ hơn và đáng được nhận hỗ trợ hơn mình...

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Về sự hỗ trợ của mạnh thường quân và các tổ chức xã hội cũng tăng gần gấp đôi từ 23,7% lên 42,5% qua 2 đợt khảo sát, có đến 58% người được hỏi ở Tp. Hồ Chí Minh và 27% ở Hà Nội cho biết họ nhận được hỗ trợ từ mạnh thường quân và các tổ chức xã hội trước tác động của sóng Covid thứ 4, bên cạnh những hỗ trợ của nhà nước thì đây là sự tiếp sức đáng quý đối với người lao động trong lúc khó khăn.

Những hỗ trợ này thường dưới hình thức bằng hiện vật (83,5%) hơn là bằng tiền (16,5%), đây cũng là đặc điểm khá đặc trưng trong hỗ trợ của các nhóm thiện nguyện. Nếu so sánh giữa 2 đợt dịch thì sự hỗ trợ bằng tiền đã tăng lên từ 2,8% lên 16,5% và tăng mạnh ở Hà Nội, nơi mà dịch đợt 4 có mức độ ảnh hưởng nhẹ hơn nhiều so với Tp. Hồ Chí Minh. Tất cả những người được hỏi và nhận được hỗ trợ đều tỏ ra hài lòng về hỗ trợ của mạnh thường quân và các tổ chức xã hội.

**Bảng 23. Thống kê tần suất trả lời có nhận được hỗ trợ từ các mạnh thường quân và các tổ chức xã hội**

Lựa chọn	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Có	14,0	27,0	33,3	58,0	23,7	42,5
Không	86,0	73,0	66,7	42,0	76,3	57,5
Tổng số người trả lời	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
<i>Hình thức hỗ trợ trong số những người nhận được hỗ trợ</i>						
Tiền	9,5	37,0	0,0	6,9	2,8	16,5
Hiện vật	90,5	63,0	100,0	93,1	97,2	83,5

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Lý do không nhận được tài trợ của mạnh thường quân và các tổ chức xã hội được người trả lời đưa ra chủ yếu là do không biết thông tin và do khó khăn chủ quan của bản thân, con số này ở Tp. Hồ Chí Minh là 100%, điều này đồng nghĩa với việc họ cho rằng nếu biết thông tin và không có khó khăn về chủ quan từ bản thân thì họ có thể tiếp cận được các nguồn hỗ trợ từ mạnh thường quân. “Khó khăn do chủ quan của mình” được hiểu là do bản thân người lao động tự chủ quan, nghĩ rằng việc nhận hỗ trợ là khó khăn, họ ngại vì nghĩ rằng khó khăn về thủ tục, nghĩ rằng mình không đủ điều kiện. Tại nơi sinh sống vì một số không có đăng ký tạm trú, còn việc di chuyển về quê để làm thủ tục cũng là vấn đề... Chính vì những suy nghĩ chủ quan của bản thân nên số người không biết đến hoặc không nhận được hỗ trợ của các tổ chức xã hội, các mạnh thường quân của nhóm di cư lao động tự do vẫn còn nhiều.

Với việc nhận hỗ trợ từ mạnh thường quân và các tổ chức xã hội có sự khác biệt tương đối giữa Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Có đến 66,7% người được hỏi ở Hà Nội cho biết họ không đủ điều kiện nhận hỗ trợ từ mạnh thường quân và 33,3% cho biết không minh chứng được mình đủ điều kiện để nhận hỗ trợ, tăng mạnh so với thời điểm 7/2020. Do tình hình dịch ở 2 địa phương khác nhau và đặc tính văn hóa từ thiện cũng khác nhau trong các tiếp cận đối tượng nên có sự khác biệt nhất định.

**Bảng 24. Lý do không nhận được sự tài trợ của mạnh thường quân và các tổ chức xã hội**

Lý do	Hà Nội		Tp. Hồ Chí Minh		Chung	
	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021	7/2020	11/2021
Không biết thông tin	85,7	66,7	36,0	100,0	63,8	97,8
Không đủ điều kiện nhận hỗ trợ	5,0	66,7	2,0	0,0	3,7	4,4
Không chứng minh được mình đủ điều kiện nhận hỗ trợ	0,0	33,3	0,0	0,0	0,0	2,2
Khó khăn trong làm thủ tục do chính quyền	1,2	0,0	0,0	0,0	0,7	0,0
Khó khăn do chủ quan của mình	9,3	33,3	61,0	100,0	31,9	95,6
Khác	2,7	0,0	6,0	0,0	4,1	0,0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu*

Qua lần khảo sát thứ hai, một lần nữa cho thấy, mặc dù đã có những điều chỉnh kịp thời về chính sách tuy nhiên vẫn còn tồn tại vấn đề bất cập trong thực thi chính sách chi trả hỗ trợ cho nhóm người chịu ảnh hưởng của Covid. Các cấp chính quyền đã thực hiện nhiều biện pháp tuyên truyền, phổ biến chính sách, đề ra thủ tục hành chính đơn giản hơn và dễ tiếp cận hơn cho người dân. Tuy nhiên, cần tiếp tục xem xét, rà soát lại để thủ tục ban hành đơn giản hơn nhưng vẫn đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ. Đối với lao động di cư, việc xét này còn khó khăn hơn rất nhiều do đây là nhóm thường ít có địa chỉ đăng ký tạm trú cố định, thậm chí không có giấy tờ tùy thân và địa chỉ cố định.

Huy động sự chung tay của cộng đồng trong phòng, chống dịch bệnh là thành công lớn của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là việc nâng cao tinh thần chia sẻ khó khăn, đoàn kết cộng đồng, tương thân tương ái đã phát huy tác dụng tích cực cho cuộc chiến chống dịch. Trong bối cảnh dịch bệnh, kinh tế suy giảm, thất nghiệp gia tăng và phát sinh nhiều vấn đề xã hội, việc phát huy hơn nữa tinh thần đó thông qua việc tạo điều kiện cho các tổ chức cộng đồng được hoạt động là rất cần thiết. Những tổ chức



này không chỉ có vai trò gây quỹ cộng đồng ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn mà còn là hạt nhân tích cực trong việc tăng cường sự tương thân tương ái, hỗ trợ lẫn nhau và cùng nhau tạo ra sự thay đổi và phục hồi sinh kế cho người yếu thế sau khi dịch đi qua.

## 5. KẾT LUẬN

Từ kết quả của hai đợt khảo sát trên cùng nhóm đối tượng, nhóm nghiên cứu đã có được thông tin so sánh tương đối toàn diện về tác động của dịch Covid-19 đến các khía cạnh đời sống, an sinh-xã hội của nhóm nữ lao động di cư tại các thành phố Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Các kết quả khảo sát chỉ ra rằng tác động của dịch lên đối tượng nghiên cứu qua hai đợt làn sóng dịch là tương đối nhất quán và có chiều hướng gia tăng về mức độ ở đợt dịch lần thứ 4 so với lần thứ 2, chỉ có một số khía cạnh có mức độ nghiêm trọng giảm so với đợt 2 do yếu tố khách quan. Cụ thể là việc tăng mua thịt lợn ở thời điểm đợt 4 so với đợt 2 là do giá thịt lợn tại thời điểm đợt 4 đã trở về mức giá bình thường, không còn cao như đợt 2 do dịch tả lợn Châu Phi. Các khía cạnh khác đều tăng đáng kể như giảm thu nhập dẫn đến thâm dụng tích lũy tiết kiệm, gia tăng vay mượn và cắt giảm mạnh chi tiêu cho thực phẩm trong khi thực tế ở điều kiện không có dịch thì nhóm lao động di cư vốn đã sống ở mức chi tiêu tối thiểu.

Về xu hướng quay trở lại thành phố sau đợt dịch, mặc dù chịu tác động nặng nề của làn sóng Covid-19 lần thứ 4 nhưng 68% người lao động vẫn lựa chọn ở lại thành phố, con số này thời điểm 7/2020 là 55,67%. Vẫn như đợt dịch thứ 2, số người quyết định ở lại của Tp. Hồ Chí Minh là 78%, cao hơn 20% so với Hà Nội. Tuy nhiên số người ở Tp. Hồ Chí Minh đã về quê thì rất ít số đã quay trở lại trong khi đó tỷ lệ đã về quê và quay trở lại thành phố tìm kiếm việc làm ở Hà Nội là 21%, chiếm 1/2 tổng số người rời thành phố do dịch. Điều này ghi nhận tình trạng khó khăn của những người di cư khu vực phía bắc ra thành phố khó tìm kiếm việc làm phù hợp tại quê hơn so với khu vực phía nam. Trong số 21% người lao động nữ di cư vào Tp. Hồ Chí Minh được hỏi đã trở về quê thì chỉ có 3% trở lại thành phố.

Đáng chú ý, đối với đợt sóng thứ 4 chính sách của chính quyền địa phương về hỗ trợ gói an sinh cho các nhóm đã được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ tiếp cận hỗ trợ trong nhóm nghiên cứu đã tăng lên gấp đôi so với đợt khảo sát sau làn sóng thứ 2. Điều này phản ánh sự điều chỉnh kịp thời về chính sách và triển khai chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương. Cụ thể, tại Tp. Hồ Chí Minh trong 3 đợt hỗ trợ an sinh thì nhóm lao động di biến động thuộc khu vực phi chính thức luôn là đối tượng được ưu tiên hỗ trợ. Quy định về nhận gói hỗ trợ được truyền thông rộng rãi và đăng tải trên nhiều kênh thông tin, giúp người dân có thể tiếp cận dễ dàng hơn. Mặc dù vậy, việc thực hiện, triển khai chính sách vẫn còn bất cập, một số nhóm đối tượng chưa tiếp cận được hỗ trợ do không có đầy đủ thông tin và không biết mình đủ điều kiện hay không.

Vai trò của các nhóm cộng đồng, mạnh thường quân tiếp tục được khẳng định ở đợt bùng phát dịch thứ 4. Nhiều cách làm và sáng kiến mới đã được các cá nhân, nhóm tình nguyện chủ động triển khai. Các nhóm, mạng lưới chính thức và tự phát được hình thành khắp nơi khi nhận thấy nhu cầu hỗ trợ của cộng đồng. Có thể khẳng định rằng, phát huy tinh thần tương trợ của cộng đồng trong tình huống khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, dịch bệnh...) luôn là bài học kinh nghiệm quý báu và có ý nghĩa nhân văn, mang đậm nét truyền thống văn hóa làng-xã của dân tộc ta từ ngàn đời nay. Bên cạnh chủ trương chung đúng đắn của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về huy động mọi nguồn lực cho công tác

phòng chống dịch, các cơ quan, tổ chức, nhóm các cá nhân đã hình thành một cách tự nguyện cùng hợp sức hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch nói chung và cho các nhóm yếu thế nói riêng.

## 6. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Dịch Covid-19 đã và sẽ còn tiếp tục diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu. Ở trong nước, tại thời điểm hoàn thiện báo cáo nghiên cứu này, số liệu ca nhiễm và tử vong đã tăng lên gấp 3 lần với hơn 1,5 triệu người nhiễm, 29.791 ca tử vong<sup>12</sup>. Tỷ lệ ca nhiễm hàng ngày ở Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội luôn ở mức cao, ở Hà Nội bắt đầu có nhiều ngày liên tục cao hơn so với Tp. Hồ Chí Minh, tiếp tục đặt ra nhiều thách thức cho hệ thống y tế ở hai thành phố lớn và hệ thống y tế nói chung.

Chính phủ đã thực hiện chiến lược chống dịch mới đó là “thích ứng an toàn”, theo đó các biện pháp phong tỏa cứng và chặt không còn áp dụng như trước đây. Tỷ lệ người dân được tiêm chủng đủ 2 mũi vắc xin tương đối cao. Nhờ vậy, đa phần người dân được quay trở lại cuộc sống ở “trạng thái bình thường mới”. Tuy nhiên nghiên cứu cũng chỉ ra rằng cần có sự chuẩn bị tốt hơn nữa nếu thành phố có tình huống dịch nghiêm trọng tới mức phải phong tỏa. Đó là việc chuẩn bị lực lượng tham gia trực tiếp tuyến đầu, lực lượng hậu cần hỗ trợ tuyến đầu, lực lượng những người làm công tác xã hội, các nhóm thiện nguyện tự phát cần được điều phối để đảm bảo nguồn lực đến được với người thực sự cần, nhất là các nhóm yếu thế, lao động di cư trong khu vực phi chính thức.

Các địa phương nơi tiếp nhận người lao động từ thành phố trở về cần có biện pháp hỗ trợ giúp người dân tìm việc làm, ổn định cuộc sống. Đối với người lao động quay trở lại thành phố tìm việc làm, cần có thủ tục đăng ký nơi ở với chính quyền sở tại để quản lý và hỗ trợ an sinh xã hội trong tình huống phong tỏa do dịch bệnh lây nhiễm ở mức độ nghiêm trọng cần thực hiện các biện pháp cứng.

Cần sớm có quy định cụ thể tạo điều kiện cho hoạt động của các nhóm cộng đồng tương trợ. Đây là lực lượng phản ứng nhanh rất hiệu quả trong hỗ trợ chống dịch và giúp đỡ người dân gặp hoàn cảnh khó khăn. Vừa qua Nghị định số 93/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo đã được ban hành chính là một bước thể chế hóa hoạt động tự nguyện của các nhóm này.

Cuối cùng là các gói chính sách an sinh xã hội cho nhóm lao động di cư không có việc làm ổn định cần tính tới biện pháp hỗ trợ dài hạn hơn như cơ chế giúp họ có cơ hội đóng bảo hiểm ở mức tối thiểu, đăng ký địa chỉ với một địa phương cố định để được cấp chi trả chế độ trợ cấp theo chính sách của Nhà nước.

<sup>12</sup> [Cập nhật số ca nhiễm Covid-19 hôm nay mới nhất trên VnExpress](#) truy cập ngày 21/12/2021

Dữ liệu Covid-19 tại Việt Nam ([vncdc.gov.vn](http://vncdc.gov.vn))

ILO Việt Nam, <https://www.ilo.org/hanoi>

Tạp chí Con số & Sự kiện ([consosukien.vn](http://consosukien.vn))

Tổng cục Thống kê, <https://www.gso.gov.vn>

UNDP Việt Nam, <https://www.vn.undp.org/content/vietnam/vi/home.html>

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, <https://hanoi.gov.vn>

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn>

World Bank Vietnam, <https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam>